

だいがく しんがく
大学進学ガイドブック

Sách hướng dẫn học lên Đại học



はじめに

いま日本では、約2人に1人、高校卒業後に大学・短大に進学しています。専門学校に進んだ人も合わせると約7割が進学の道を進んでいます。

高校卒業後は、中学卒業後よりも本当に多くの選択肢があり、その情報もあふれています。この本は、高校生のみなさんとその保護者の方たちが高校卒業後に進学を目指すときに、これだけは知っておいてほしいこと、そして受験のためのさまざまな情報を伝えるために作られました。

勉強やお金のことで進学をあきらめてしまわないように、初版よりもさらに多くの情報を載せました。このガイドブックがみなさんの夢をかなえる力になればうれしいです。

Lời nói đầu

Ở Nhật Bản, cứ 2 học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông thì có 1 em tiếp tục học lên Đại học hoặc Cao đẳng. Nếu tính luôn cả những em theo học tại các Trường chuyên môn thì khoảng 70% học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông đi theo con đường học lên bậc cao hơn.

Sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông, học sinh có nhiều lựa chọn hơn so với tốt nghiệp Trung học cơ sở, và cũng có đầy đủ thông tin giúp các em lựa chọn. Sách hướng dẫn này được biên soạn nhằm cung cấp thông tin đa dạng và những điều cần phải biết dành cho học sinh Trung học phổ thông và Quý vị phụ huynh về cách chuẩn bị cho kỳ thi tuyển sinh nếu có ý định học lên cao hơn sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông.

Sách hướng dẫn này có nhiều thông tin hơn phiên bản đầu tiên để các em học sinh không từ bỏ việc theo đuổi con đường học vấn cao hơn vì lý do học tập hoặc vấn đề tài chính. Chúng tôi sẽ rất vui nếu Sách hướng dẫn này có thể góp phần tiếp thêm động lực giúp các em thực hiện giấc mơ của mình.

※このガイドブックの情報は、2020年12月現在のものです。そのため内容が変わることもあります。みなさんが情報を活用するときには、インターネットで調べたり、大学などに問い合わせたりして、最新の情報を確認してください。

※Thông tin trong Sách hướng dẫn này được cập nhật tại thời điểm tháng 12 năm 2020. Vì vậy nội dung có thể thay đổi. Khi sử dụng Sách hướng dẫn này, các bạn vui lòng tham khảo thông tin cập nhật mới nhất bằng cách tra trên Internet hoặc trực tiếp hỏi các trường đại học.

	はじめに	
1.	高校卒業後の進学先①	01
2.	高校卒業後の進学先② 大学・短大・専門学校	02
3.	大学はどういうところ？ 私立・国公立	03
3.	学部とは？ 文系・理系	04
4.	学部の選び方	05
5.	いろいろな入学試験 入試の種類／併願	06
6.	一般選抜とは？① 私立大学／共通テスト	07
	一般選抜とは？② 国公立大学	08
7.	学校推薦型選抜とは？ 指定校制／公募制	09
8.	総合型選抜とは？	10
9.	それぞれの入試方法のアドバイス	11
10.	進学にむけての3年間	12
11.	志望校選びのチェックポイント	13
12.	入試カレンダー	14
13.	お金が心配で、進学を悩んでいるあなたへ	15
14.	大学進学・通学のためにかかるお金	16
15.	大学受験にかかるお金	17
16.	入学金と授業料	18
17.	卒業までの学費はいくら？	19
18.	家族でお金の計画を	20
19.	奨学金と教育ローン	21
20.	日本学生支援機構 (JASSO)	22
21.	先輩と保護者の体験談	23
	巻末資料	28

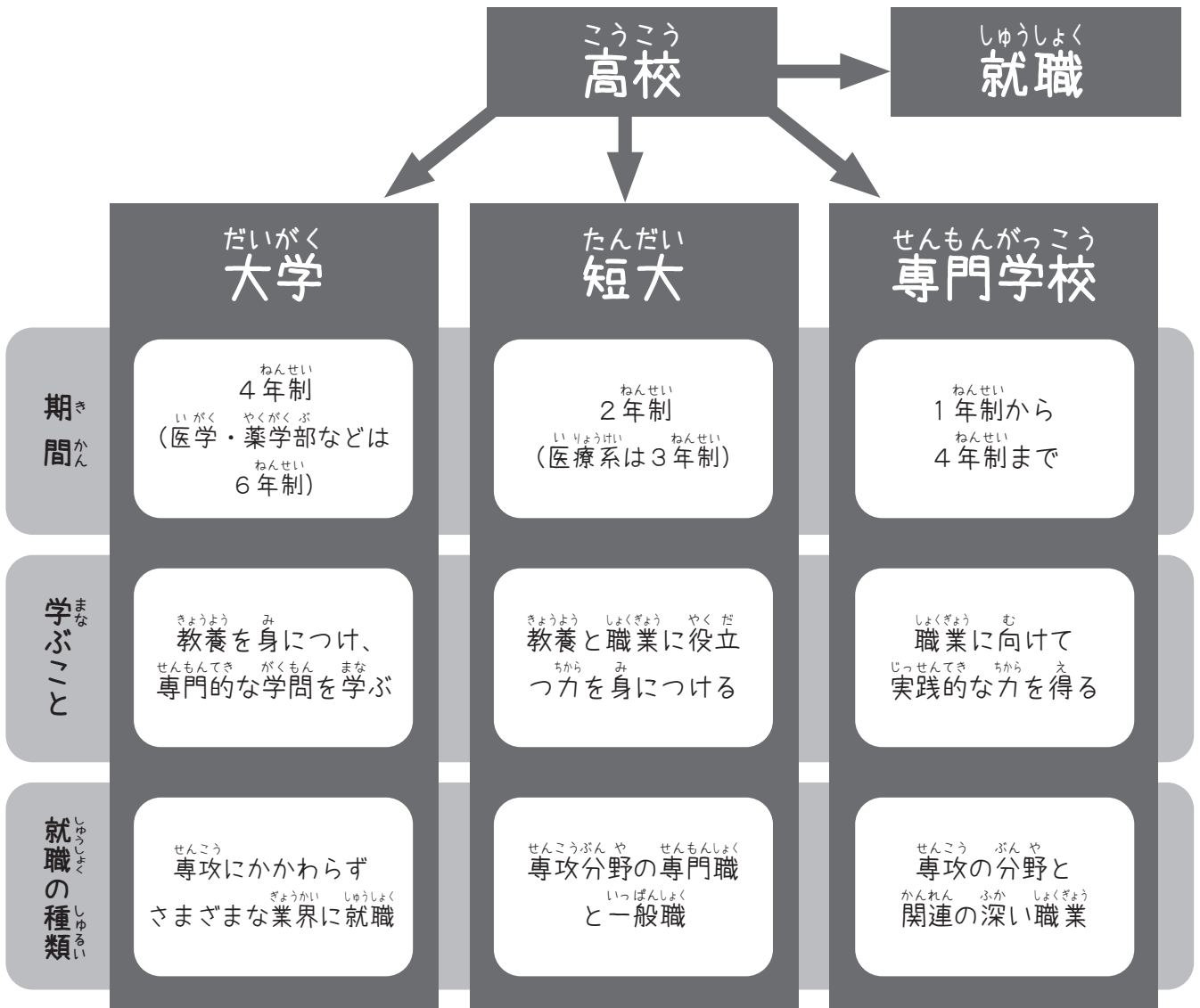
Mục lục

Lời nói đầu

1. HỌC Ở ĐÂU SAU KHI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ①	01
HỌC Ở ĐÂU SAU KHI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ②	02
ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRƯỜNG CHUYÊN MÔN	
2. TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÀ NƠI NHƯ THẾ NÀO?	03
ĐẠI HỌC TƯ, ĐẠI HỌC QUỐC, ĐẠI HỌC CÔNG LẬP	
3. NGÀNH HỌC LÀ GÌ? KHÓI NHÂN VĂN, KHÓI TỰ NHIÊN	04
4. CÁCH CHỌN NGÀNH HỌC	05
5. HÌNH THỨC TUYỂN SINH	06
CÁC LOẠI KỶ THI TUYỂN SINH, ĐĂNG KÝ ĐỒNG THỜI NHIỀU TRƯỜNG	
6. KỶ THI TUYỂN SINH CHUNG LÀ GÌ? ① ĐẠI HỌC TƯ, KỶ THI CHUNG	07
KỶ THI TUYỂN SINH CHUNG LÀ GÌ? ② ĐẠI HỌC QUỐC LẬP, ĐẠI HỌC CÔNG LẬP	08
7. XÉT TUYỂN TIẾN CỬ LÀ GÌ?	09
HỆ THỐNG TRƯỜNG ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH, HỆ THỐNG MỞ	
8. XÉT TUYỂN TỔNG HỢP LÀ GÌ?	10
9. LỜI KHUYÊN ĐỐI VỚI TỪNG HÌNH THỨC THI TUYỂN SINH	11
10. 3 NĂM CHUẨN BỊ CHO CON ĐƯỜNG HỌC VẤN CAO HƠN	12
11. CÁC ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI CHỌN TRƯỜNG	13
12. LỊCH THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC	14
13. DÀNH CHO NHỮNG NGƯỜI ĐANG LO LẮNG VỀ TÀI CHÍNH	15
14. CHI PHÍ CẦN THIẾT ĐỂ HỌC ĐẠI HỌC	16
15. CHI PHÍ DỰ THI ĐẠI HỌC	17
16. TIỀN NHẬP HỌC VÀ HỌC PHÍ	18
17. CHI PHÍ CHO ĐẾN KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC	19
18. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÙNG GIA ĐÌNH	20
19. HỌC BỔNG VÀ KHOẢN VAY HỖ TRỢ GIÁO DỤC	21
20. TỔ CHỨC HỖ TRỢ SINH VIÊN NHẬT BẢN (JASSO)	22
21. KINH NGHIỆM TỪ SINH VIÊN ĐI TRƯỚC VÀ PHỤ HUYNH	23
THÔNG TIN BỔ SUNG	28

1. 高校卒業後の進学先①

高校を卒業してから、さらに勉強したい人には、大学・短大・専門学校という進学先があります。それぞれの目的や特徴、就職状況などを調べて、自分にあった道を選びましょう。



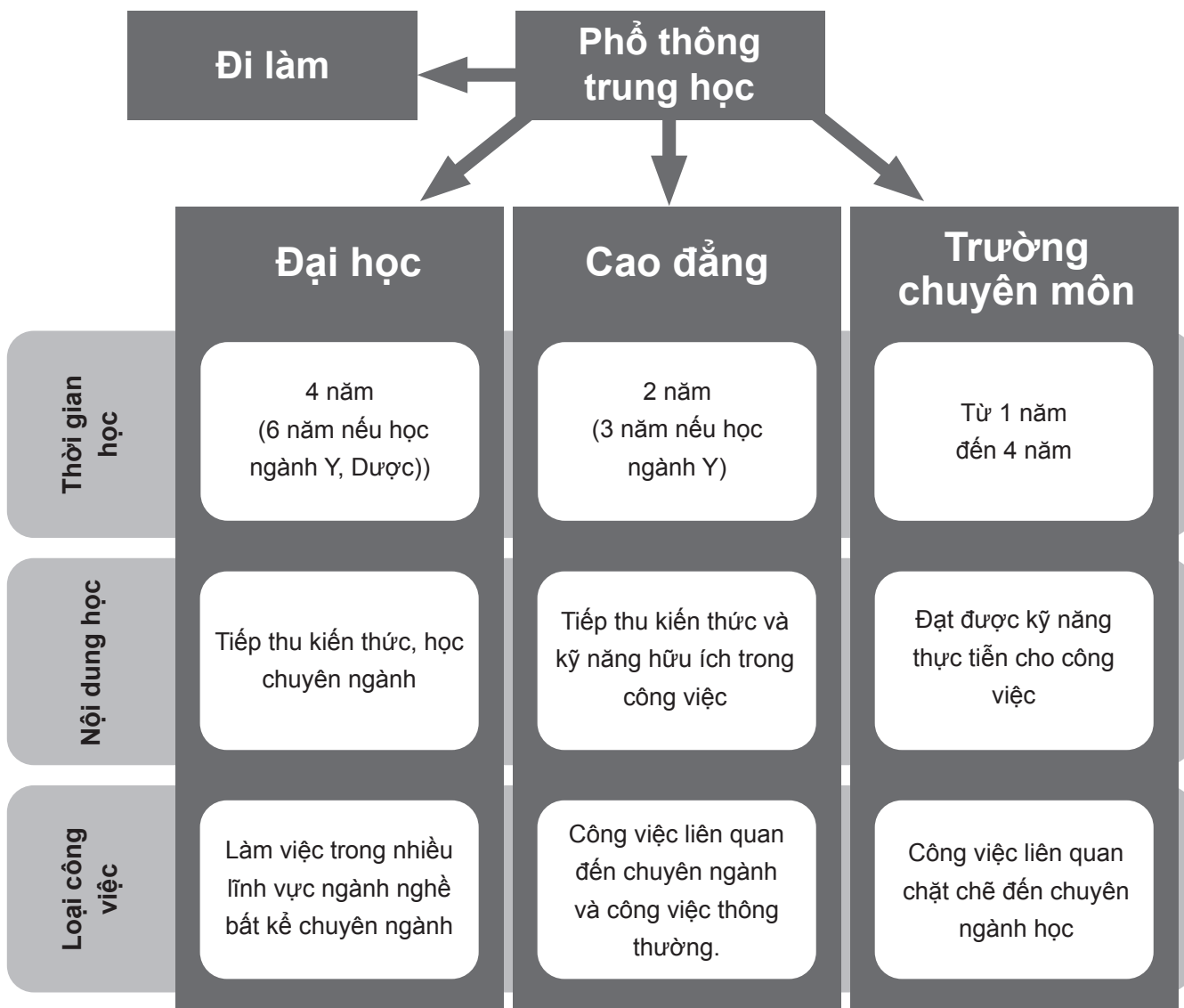
高校を卒業してなくても、がんばれば進学できる方法もあります！

小学校、中学校を卒業し、高校に入学しなかった、または、高校を途中で辞めた人は「高等学校卒業程度認定試験」を受けることで、大学、短大、専門学校の受験資格を手に入れることができます。

しかし、日本語で高校レベルの勉強の試験に合格しなければいけないので、簡単ではありません。

1. HỌC Ở Đâu SAU KHI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG ①

Sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông, những người muốn học lên tiếp có thể lựa chọn học Đại học, Cao đẳng, Trường chuyên môn. Các bạn cần tìm hiểu rõ mục đích, đặc trưng và tình hình việc làm và chọn con đường phù hợp với bản thân.



Dù chưa tốt nghiệp Trung học phổ thông, vẫn có cách để học lên cao nếu cố gắng!

Những người đã tốt nghiệp Tiểu học hoặc Trung học cơ sở nhưng không học Trung học phổ thông, hoặc những người nghỉ học giữa chừng cấp Trung học phổ thông vẫn có được tư cách đăng ký kỳ thi tuyển sinh vào các trường Đại học, Cao đẳng, Trường chuyên môn nếu tham gia “Kỳ thi Chứng nhận trình độ tương đương tốt nghiệp Trung học phổ thông”.

Tuy nhiên, kỳ thi này không hề dễ dàng bởi vì phải vượt qua kỳ thi tương đương trình độ Trung học phổ thông bằng tiếng Nhật.

こうこうそつぎょうご しんがくさき 高校卒業後の進学先②

だいがく
大学 … 「専門的な知識やそれ以外の学問も勉強したい人におすすめ」

- 学ぶこと**
 - 幅広い知識や教養を身につけながら、専門的な学問を学ぶ。
 - 大学卒業でしか取れない資格もある(⇒ 28 ページ)。
- 特徴**
 - 自分の勉強したいことを見つけて、講義や実習などから深めることができる。
 - 高校生より自由な時間が多くなり、ゼミ活動・サークル活動などを通じて自分の視野を広げ、社会人になるための基礎力を身につけられる。
- 卒業後**
 - 専門的な知識を使った仕事だけでなく、一般的な教養も学ぶので、いろいろな分野に就職できる。就職活動は基本的に自分でおこなう。

たんだい たんきだいがく
短大(短期大学) … 「短い時間で勉強して、早く働きたい人におすすめ」

- 学ぶこと**
 - 短い期間で教養を身につけながら、将来の職業に役立つ実践的な勉強をする。
- 特徴**
 - 学校数や学べる分野が少ない。
 - 学校に通う期間が短いので、4年制大学よりも忙しい。
 - 卒業までの学費の合計は4年制大学よりも安い(1年間の学費はほぼ同じ)。
- 卒業後**
 - 丁寧な就職サポートをしているところが多く、就職率も高い。

せんもんがっこう
専門学校 … 「将来の夢がはっきりと決まっている人におすすめ」

- 学ぶこと**
 - 職業に必要な知識や技術、資格を身につけるための専門的な勉強をする。(⇒ 29 ページ)
 - 大学や短大とのちがいは、一般教養の授業がないこと。
- 特徴**
 - 実習が多く、卒業するとすぐに社会で仕事ができる力をつけられる。
 - 1年間の学費は私立大学とあまり変わらない。
- 卒業後**
 - 学んだ分野の就職に強い。ただし、その分野以外の就職は難しいので、しっかり考えで選びましょう。

★ 専門学校を選ぶときは、学校名や学科名で選ばないようにしましょう。実際に働くときにどんな資格が必要で、その専門学校でどんな資格が取れるのか、授業内容や卒業生の就職先を確認しましょう！

日本国籍をもっていないと、在留資格によっては、その仕事につけないことがあるので注意してください。自分の在留資格でどの職業につけるか・つけないかをしっかりと確かめておく必要があります。自分で調べるだけでなく、高校の先生にも相談してみてください。

HỌC Ở ĐÂU SAU KHI TỐT NGHIỆP PHỔ THÔNG TRUNG HỌC ②

ĐẠI HỌC... “Dành cho người muốn học các kiến thức chuyên ngành và các môn khác ngoài chuyên ngành”

Nội dung học

- Trang bị kiến thức và hiểu biết tổng quát, đồng thời học các môn chuyên ngành.
- Có bằng cấp chỉ có thể đạt được khi tốt nghiệp đại học(⇒ Trang 28)
- Khám phá những gì bản thân muốn học, đào sâu kiến thức thông qua các bài giảng và thực hành.
- Có nhiều thời gian tự do hơn so với thời Trung học phổ thông, sinh viên có thể mở rộng tầm nhìn của mình thông qua các hoạt động hội thảo, hoạt động nhóm, đồng thời trang bị được những kỹ năng cơ bản cần thiết để trở thành một người trưởng thành.
- Không những có thể làm công việc sử dụng kiến thức chuyên ngành, mà còn có thể tìm việc làm ở nhiều lĩnh vực ngành nghề khác nhau bởi vì sinh viên cũng được học những kiến thức tổng quát. Về cơ bản, sinh viên sẽ tự tìm việc làm.

Đặc trưng

Sau khi tốt nghiệp

CAO ĐẲNG (Đại học ngắn hạn)... “Dành cho người muốn học trong thời gian ngắn để nhanh chóng đi làm”

Nội dung học

- Tiếp thu kiến thức trong thời gian ngắn, đồng thời học các kỹ năng thực tế giúp ích cho nghề nghiệp tương lai.
- Số lượng trường học và ngành học còn ít.
- Thời gian đi học ngắn hơn nên việc học sẽ bận rộn hơn hệ Đại học 4 năm.
- Tổng học phí cho đến khi tốt nghiệp thấp hơn so với hệ Đại học 4 năm (học phí 1 năm gần như tương đương).
- Nhiều trường có hỗ trợ tìm việc làm chu đáo, tỷ lệ có việc làm cao.

Đặc trưng

Sau khi tốt nghiệp

TRƯỜNG CHUYÊN MÔN... “Dành cho người đã quyết định rõ ràng ước mơ trong tương lai”

Nội dung học

- Học chuyên ngành để nắm được các kiến thức, kỹ năng và bằng cấp cần thiết cho nghề nghiệp. (⇒ Trang 29)
- Điểm khác biệt so với Đại học và Cao đẳng là không có giờ học Đại cương.
- Được đào tạo thực hành nhiều nên có thể làm việc trong xã hội ngay sau khi tốt nghiệp.
- Học phí một năm không khác nhiều so với trường Đại học tự.
- Có thể mạnh khi tìm việc làm đúng chuyên ngành đã học. Tuy nhiên, rất khó tìm được việc làm ngoài chuyên ngành học nên cần suy nghĩ thật kỹ trước khi chọn.

Đặc trưng

Sau khi tốt nghiệp

★ Khi chọn Trường chuyên môn, không nên chọn dựa vào tên trường, tên ngành học. Hãy kiểm tra xem công việc thực tế cần những bằng cấp gì, nếu theo học tại Trường chuyên môn đó thì có thể lấy được bằng cấp nào, nội dung các ngành học và cơ hội việc làm cho sinh viên tốt nghiệp!

Xin lưu ý rằng nếu không có quốc tịch Nhật Bản, tùy thuộc vào Tư cách lưu trú, bạn có thể không được làm công việc như mong muốn. Bạn cần tìm hiểu chắc chắn về những ngành nghề được phép làm hoặc không được làm tùy theo Tư cách lưu trú của bạn. Ngoài việc tự mình tìm hiểu, hãy tham khảo ý kiến của giáo viên Trung học phổ thông của bạn.

2. 大学はどういうところ？

私立大学

学校法人が運営する大学

学費 … 国公立より高い。
受験科目 … ほとんどが3教科。→幅広いレベルの大学がある。

学ぶ期間によって、4年制（一般的な大学）、6年制（医学部など）、短期大学に分けられます。さらに、授業の時間帯によって、昼間部と夜間部（⇒4ページ）の大学があります。夜間部は昼間部に比べて学費が安くなっています（⇒18ページ）。

国公立大学（国立大学と公立大学をひとつにまとめた言い方）

国立大学：国立大学法人が運営する大学
公立大学：県、市などの地方公共団体などが運営する大学

学費 … 私立より安い。
受験科目 … ほとんどが国語・数学・英語・理科・社会の5教科。
→レベルが高く、合格が難しい。



国公立大学は私立大学より学費が安いですが、たくさんの科目の試験を受けなければなりません。そのため私立大学よりも試験対策が大変です。お金の問題だけでなく、自分の学力も考えながら、どの大学を受けるのか考えましょう（⇒8ページ）。

2. TRƯỜNG ĐẠI HỌC LÀ NƠI NHƯ THẾ NÀO?

ĐẠI HỌC TƯ

Là trường đại học do Tập đoàn giáo dục điều hành.

Học phí ... Đắt hơn so với Đại học Quốc lập và Công lập.

Môn thi ... Hầu hết là 3 môn. → Có trường Đại học có nhiều cấp độ khác nhau.

Tùy theo thời gian học, chương trình học được phân loại theo hệ 4 năm (Đại học tổng hợp), hệ 6 năm (Ngành Y, ...) và hệ Cao đẳng. Hơn nữa, tùy thuộc vào thời gian của tiết học, một số trường đại học có Lớp ban ngày và Lớp buổi tối (⇒ Trang 4). Học phí Lớp ban đêm thấp hơn lớp ban ngày (⇒ Trang 18)

ĐẠI HỌC CÔNG LẬP QUỐC GIA (Cách nói kết hợp giữa Đại học Quốc lập và Đại học Công lập)

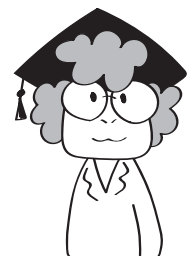
Đại học Quốc lập : là trường Đại học do Tập đoàn Đại học Quốc gia điều hành

Đại học Công lập : là trường Đại học do Chính quyền địa phương như tỉnh, thành phố điều hành

Học phí ... Rẻ hơn so với Đại học tư.

Môn thi ... Hầu như là 5 môn bao gồm Quốc ngữ, Toán, Tiếng Anh, Tự nhiên, Xã hội.

Học phí tại các trường Đại học Công lập quốc gia thấp hơn so với các trường Đại học tư nhưng bạn phải thi nhiều môn hơn. Vì vậy, việc chuẩn bị cho kỳ thi sẽ vất vả hơn so với các trường Đại học tư. Khi chọn thi vào trường Đại học nào, không chỉ cần nhắc về vấn đề tài chính mà còn cần suy nghĩ về cả học lực của bản thân nữa (⇒ Trang 8)



3. 学部とは？

大学にはいろいろな学部があります。大学は入学してから学部を決めるのではなく、受験の時にどの学部に入りたいかを決めます。そしてどの学部に入るかによって、何を専門的に勉強できるのかが決まります。たとえばビジネスについて勉強したければ商学部、モノ作りについて学びたければ工学部、法律について勉強したければ法学部に入ります。同じ大学でも学部によって入学試験の内容も大学で勉強する内容もちがいますので、大学のパンフレットやホームページで、その学部でどんな授業があるのかを調べる必要があります。

文系 … 人間が作り出す文化や社会、語学について研究する分野
 高校の授業に例えると、国語、地歴・公民、英語に関連する分野です。

理系 … 自然科学の研究をしたり、科学を応用したものづくりをする分野
 高校の授業に例えると、数学、理科に関連する分野です。

★文系と理系の両方の内容が混ざった勉強をする分野もあります。



学部によって、勉強する内容、取れる資格や将来の仕事も大きく変わってきます。どの学部でどんな資格が取れるのか、卒業生はどんな仕事についているのか、よく調べておきましょう（⇒ 28 ページ）。

コラム

夜間の学校 … 働きながら学ぶ学生のための学校

- ・ 昼間部と授業にちがいはある？ ⇒ 昼間部と同じ設備で、同じ授業内容を学べるよ。
- ・ 何時ごろ勉強するの？ ⇒ 大体 18 時～ 21 時の授業の学校が多い。
土曜日に授業があることも。
- ・ 学費は？ ⇒ 学費は昼間部の大体 2 / 3 くらいの金額。
- ・ 就職は？ ⇒ 就職も昼間部と同じサポートがある。
また昼は仕事、夜は学校という経験をアピールできるよ。
職業分野も大差なく、就職率も昼間部とほとんど変わらない高水準です。

3. NGÀNH HỌC LÀ GÌ ?

Trường đại học có nhiều khoa. Thay vì chọn khoa sau khi vào đại học, sinh viên sẽ quyết định chọn thi vào khoa nào khi thi tuyển sinh. Sau đó, tùy theo khoa đã chọn, sẽ được học theo chuyên ngành. Ví dụ: muốn học kinh doanh thì nên đăng ký vào Khoa Thương mại, nếu muốn học về chế tạo đồ vật thì nên đăng ký vào Khoa Kỹ thuật, nếu muốn học luật thì nên đăng ký vào Khoa Luật. Ngay cả trong cùng một trường đại học, nội dung của kỳ thi đầu vào và nội dung học tại trường đại học khác nhau tùy theo khoa, vì vậy bạn cần kiểm tra tờ rơi hoặc trang web của trường đại học để biết khoa đó có những tiết học nào.

KHỐI NHÂN VĂN ... Ngành học nghiên cứu về văn hóa, xã hội và ngôn ngữ do con người tạo ra

Nếu lấy ví dụ các tiết học ở Trung học phổ thông, đây là những lĩnh vực liên quan đến môn Quốc ngữ, Địa lý/Lịch sử, Công dân và tiếng Anh.

KHỐI TỰ NHIÊN ... Ngành học nghiên cứu khoa học tự nhiên, sản xuất bằng cách ứng dụng khoa học

Nếu lấy ví dụ các tiết học ở Trung học phổ thông thì là các lĩnh vực liên quan đến môn Toán và Tự nhiên.

★ Có những ngành mà bạn có thể học kết hợp cả Nhân văn và Tự nhiên.



Tùy thuộc vào khoa, nội dung học, bằng cấp bạn đạt được và công việc tương lai của bạn sẽ khác nhau rất nhiều. Hãy tìm hiểu thật kỹ xem bạn học khoa nào thì có thể lấy được bằng cấp gì, sinh viên tốt nghiệp của khoa đó có thể nhận được loại công việc nào. (⇒ Trang 28)

CỘT

Trường học buổi tối ... Trường dành cho học sinh vừa học vừa làmtrabalhando.

- Có sự khác nhau giữa Chương trình học ban ngày và Chương trình buổi tối không? → Có thể học tại cùng cơ sở và học cùng nội dung giống với Chương trình học ban ngày.
- Học từ mấy giờ? → Đại khái có nhiều trường dạy từ 18:00 – 21:00. Có khi học vào Thứ bảy.
- Học phí thế nào? → Học phí chỉ khoảng 1/3 so với Chương trình học ban ngày.
- Làm được công việc nào? → Có hỗ trợ tìm việc làm tương tự như Chương trình học ban ngày. Ngoài ra, có thể trình bày kinh nghiệm theo kiểu ban ngày đi làm, buổi tối đi học. Không có sự phân biệt lớn trong lĩnh vực nghề nghiệp, tỷ lệ có việc làm hầu như không khác với Chương trình học ban ngày.

4. 学部の選び方

どの学部を選んでいいかわからない人は、好きな科目、得意な科目から、自分の学びたい学問を探してみるとよいでしょう。

こくご れきし ちり えいご す ぶんけい 国語、歴史、地理、英語が好き(文系)	ぶんがく しんりがく てつがく れきしがく こうごがく ぶんかじんるいがく 文学・心理学・哲学・歴史学・考古学・文化人類学・ 外国語学
せいじ けいざい えいご す ぶんけい 政治・経済、英語が好き(文系)	ほうがく せいじがく こくさいかんけいがく けいざいがく けいえいがく しゃかいがく 法学・政治学・国際関係学・経済学・経営学・社会学・ 商学・情報学
りか すうがく す りけい 理科、数学が好き(理系)	りがく のうがく こうがく じょうほうがく やくがく いがく 理学・農学・工学・情報学・薬学・医学
たいいく げいじゆつ かもく す た 体育、芸術科目が好き(その他)	たいいくがく か がく けんこう か がく げいじゆつがく 体育学・スポーツ科学・健康科学・芸術学
はっきりした目標がある	かんごがく いがく ようじきょうがく えいようがく しゃかいふくしがく 看護学・医学・幼児教育学・栄養学・社会福祉学
さまざまなことに興味がある(文系&理系)	そうごうせいさくがく ぶんけい りけい 総合政策学・キャリアデザイン学・教育学

コラム いろいろな言葉が話せるから通訳?

「私は日本語以外も話せるから、将来は通訳になりたい」という話をよく聞きます。しかし、たくさんの言葉を話せることは、通訳以外にもいろいろな仕事で役に立つことができます。

例えば…

- ・いろいろな国と商売の話をする国際的に活躍する営業職
- ・たくさんの人に観光を楽しんでもらう観光サービス業
- ・いろいろな国の人と一緒に新しいものを作る・見つける研究職
- ・世界中どこでも働くこともできるシステムエンジニア
- ・いろいろな国の困ってる人を助けられる弁護士、医師、看護師、介護士
- ・多くの人に自分の作ったものを届けられる芸術家……などなど

言葉以外にできることがあったら、自分ができる言葉を使って、その能力をもっと多くの人に届けられます！ 2つの言葉をきわめて、通訳になるのもかっこいいですが、ぜひ自分ができる言葉を使って何がしたいのか、考えてみてください♪

4. CÁCH CHỌN NGÀNH HỌC

Nếu chưa biết nên chọn khoa nào, bạn nên tìm ngành mà bản thân muốn học dựa trên các môn học yêu thích hoặc môn học mà bạn giỏi.

Nếu thích Quốc ngữ, Lịch sử, Địa lý, Tiếng Anh (Ngành Nhân văn)	→ Văn học, Tâm lý học, Triết học, Lịch sử, Khảo cổ học, Văn hóa nhân loại, Ngoại ngữ
Nếu thích Chính trị, Kinh tế, Tiếng Anh (Ngành Nhân văn)	→ Luật, Chính trị, Quan hệ quốc tế, Kinh tế, Kinh doanh, Xã hội, Thương mại, Công nghệ thông tin
Nếu thích Tự nhiên, Toán (Ngành Tự nhiên)	→ Tự nhiên, Nông nghiệp, Kỹ thuật, Công nghệ thông tin, Dược, Y
Nếu thích Thể dục, Nghệ thuật (Các môn khác)	→ Giáo dục thể chất, Khoa học thể thao, Khoa học sức khỏe, Nghệ thuật
Có mục tiêu rõ ràng	→ Y tá Điều dưỡng, Y, giáo dục trẻ em, Dinh dưỡng, Phúc lợi xã hội
Nếu quan tâm nhiều lĩnh vực khác nhau (ành Nhân văn và Tự nhiên)	→ Chính sách tổng hợp, Thiết kế nghề nghiệp, Giáo dục

CỘT

Vì nói được nhiều ngôn ngữ liệu có thể làm thông dịch viên?

Thường nghe nhiều bạn nói rằng “Tôi có thể nói được ngôn ngữ khác ngoài tiếng Nhật nên tương lai muốn trở thành thông dịch viên”. Tuy nhiên, việc có khả năng nói được nhiều ngôn ngữ thì có thể sẽ giúp ích cho nhiều loại công việc khác nhau chứ không riêng gì thông dịch.

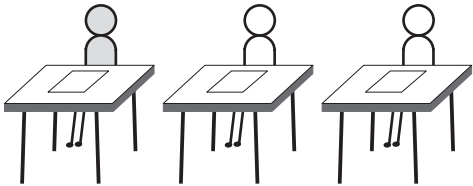

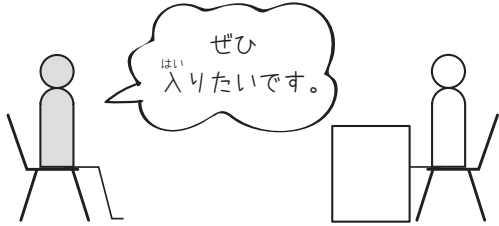
Ví dụ:

- Nhân viên kinh doanh, đàm phán mua bán với nhiều quốc gia, hoạt động trên phạm vi quốc tế
- Nghề dịch vụ du lịch, giúp nhiều người vui vẻ tận hưởng chuyến du lịch
- Nhà nghiên cứu, khám phá và tạo ra những điều mới mẻ cùng với mọi người đến từ nhiều quốc gia
- Kỹ sư hệ thống, có thể làm việc tại bất kỳ nơi nào trên thế giới
- Luật sư, Bác sĩ, Y tá, Điều dưỡng, làm công việc giúp đỡ nhiều người gặp khó khăn đến từ các quốc gia khác nhau
- Nghệ sĩ, có thể đưa những tác phẩm nghệ thuật của mình đến với nhiều người,...

Nếu bạn có năng khiếu nào đó ngoài kỹ năng ngôn ngữ, bạn có thể sử dụng kỹ năng ngôn ngữ của mình để thể hiện khả năng của mình với nhiều người hơn! Thành thạo 2 ngôn ngữ và trở thành thông dịch viên, điều đó cũng rất tuyệt vời, nhưng hãy thử suy nghĩ xem bạn thật sự muốn làm gì với kỹ năng ngôn ngữ của mình!

5. いろいろな入学試験 にゅうがくしけん

にゅうし しゅるい 入試の種類

<p>いっばんせんぼつ 一般選抜</p> 	<p>ひっきしけん <small>ごうかくしゃ き</small> 筆記試験によって合格者が決まります。 (⇒7ページ)</p>
<p>がっこうすいせんがたせんぼつ 学校推薦型選抜</p> 	<p>こうこう <small>じぶん すいせん</small> 高校に自分を推薦してもらいます。 <small>しぼうり ゆうしょ しょうろんぶん めんせつ</small> 志望理由書や小論文や面接などによって <small>ごうかくしゃ き</small> 合格者が決まります (指定校制や公募制)。 (⇒9ページ)</p>
<p>そうごうがたせんぼつ 総合型選抜</p> 	<p><small>しぼうり ゆうしょ しょうろんぶん めんせつ</small> 志望理由書や小論文や面接などによって、 <small>だいがくにゅうがく ご</small> 大学入学後のやる気を伝えて合格者が決 まります。 (⇒10ページ)</p>

へいがん 併願

いちばん い だいがく だい しぼうこう あ かんが だい だい きぼう だい
一番行きたい大学 (第1志望校) に落ちたときのことと考えて、第2・第3希望の大
がく じゅけん へいがん い
学も受験しましょう。これを併願すると言います。

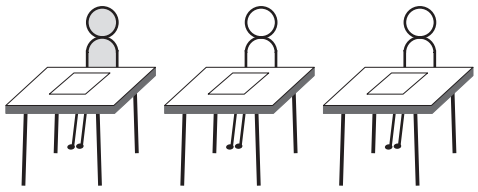
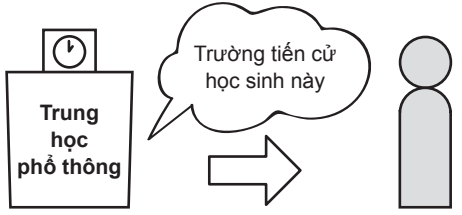
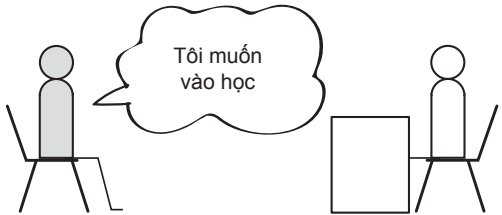
いっばんでき した へいがん だいがく かんが ほうほう
一般的に下の3つのように併願する大学を考える方法があります。

- ・チャレンジ校 ... いちばん い だいがく だい しぼう
一番行きたい大学、第1志望
- ・実力相応校 ... いま がくりよく べんきょう つづ ごうかく だい しぼう
今の学力で勉強を続けられれば合格できる、第2志望
- ・安全校 ... いま じつりよく ぜったい ごうかく だい しぼう
今の学力で絶対に合格できる、第3志望

★ がっこうすいせんがたせんぼつ そうごうがたせんぼつ だい しぼうこう じゅけん ぜんてい へいがん
学校推薦型選抜や総合型選抜は、第1志望校を受験することが前提なので、併願でき
だいがく すく がっこうすいせんがたせんぼつ そうごうがたせんぼつ ごうかく だいがく
る大学は少ないです。また、学校推薦型選抜や総合型選抜で合格したら、ほかの大学
じゅけん
は受験できません。

5. HÌNH THỨC TUYỂN SINH

CÁC LOẠI KỲ THI TUYỂN SINH

<p>Kỳ thi tuyển sinh chung</p> 	<p>Thí sinh vượt qua kỳ thi viết sẽ được chọn. (⇒ Trang 7)</p>
<p>Xét tuyển tiến cử</p> 	<p>Nhờ trường Trung học phổ thông tiến cử. Chọn thí sinh thông qua Đơn trình bày nguyện vọng lý do, bài Tiểu luận và Phỏng vấn (Hệ thống trường học được chỉ định hoặc Hệ thống tuyển dụng mở). (⇒ Trang 9)</p>
<p>Xét tuyển tổng hợp</p> 	<p>Thí sinh trình bày rõ động lực của mình sau khi vào Đại học thông qua Đơn trình bày nguyện vọng lý do, bài Tiểu luận và Phỏng vấn. Các thí sinh vượt qua các vòng này sẽ được chọn. (⇒ Trang 10)</p>

HEIGAN (ĐĂNG KÝ ĐỒNG THỜI NHIỀU TRƯỜNG)

Nghĩ đến trường hợp bạn không đậu vào trường đại học mà mình muốn vào nhất (Nguyện vọng 1), khi đó hãy thi vào trường đại học theo Nguyên vọng 2, Nguyên vọng 3. Đây gọi là Heigan (Đăng ký đồng thời nhiều trường).

Có 3 hình thức phổ biến khi lựa chọn đăng ký đồng thời nhiều trường đại học.

- Trường muốn thử sức ... Là trường đại học muốn học nhất, Nguyên vọng 1
 - Trường vừa sức ... Nếu tiếp tục duy trì sức học như hiện tại thì có thể thi đậu, Nguyên vọng 2
 - Trường an toàn ... Chắc chắn sẽ thi đậu với sức học như hiện tại, Nguyên vọng 3

★ Xét tuyển tiến cử và Xét tuyển tổng hợp lấy tiền đề là bạn phải đăng ký dự thi vào trường Nguyên vọng 1, do đó có rất ít trường đại học chấp nhận hình thức Đăng ký đồng thời nhiều trường. Ngoài ra, nếu như bạn đã đậu theo hình thức Xét tuyển tiến cử và Xét tuyển tổng hợp thì bạn không thể đăng ký dự thi vào trường đại học khác.

6. 一般選抜とは？ ①

◎私立大学

私立大学にはいろいろな入試方法があります。試験の名前もバラバラなので、大学のホームページやパンフレットでどんな試験・受験科目かを確認しましょう。

種類の例

学部別方式	学部によってちがう試験問題です。
全学部統一方式	その大学のすべての学部が同じ試験問題です。 同じ大学内のちがう学部を併願できる場合もあります。
共通テスト利用方式	1月に受けた共通テストの点数で、合否が決まる試験です。 負担が少ないので、併願校として受験することが多いです。

★これらを組み合わせると、1つの大学の学部に3回位の受験チャンスがあります。

基本は3教科！（2教科や4教科の入試方法のある大学もあります）

文系	外国語、国語、地歴公民
理系	外国語、数学、理科
文理系 (経済学部など)	外国語、国語、地歴公民 or 数学から1科目

共通テストとは？

全国の受験生が1月に受ける試験で、全員同じ日に同じ問題を解きます（科目は選択制）。国公立大学や私立大学の共通テスト利用方式で受験する生徒がこのテストを受けます。高校3年生の9月に高校に申込みをします。

6. KỶ THI TUYỂN SINH CHUNG LÀ GÌ? ①

◎ ĐẠI HỌC TƯ

Các trường Đại học tư có nhiều hình thức tuyển sinh khác nhau. Tên gọi của các kỳ thi tuyển sinh cũng khác nhau. Vì vậy hãy kiểm tra trang web và tờ rơi của các trường đại học để biết họ có những kỳ thi nào và cần thi môn nào.

VÍ DỤ VỀ CÁC KỶ THI

Hình thức thi riêng theo từng khoa	Đề thi khác nhau tùy theo từng khoa
Hình thức thi chung cho tất cả các khoa	Đề thi giống nhau cho tất cả các khoa trong trường đại học. Có trường hợp cho phép nộp đơn thi vào khoa khác trong cùng trường đại học.
Hình thức áp dụng Kỳ thi tuyển sinh chung	Là kỳ thi quyết định thí sinh đậu hay trượt dựa vào điểm số của Kỳ thi tuyển sinh chung được tổ chức vào tháng 1. Vì ít áp lực hơn nên nhiều thí sinh đăng ký dự thi dưới hình thức Heigan (Đăng ký đồng thời nhiều trường).

★ Nếu kết hợp các hình thức tuyển sinh này thì có 3 cơ hội để đăng ký dự thi vào cùng 1 trường đại học.

Về cơ bản, **THI 3 MÔN !** (Cũng có trường đại học áp dụng hình thức thi 2 môn hoặc 4 môn)

Khối Nhân văn	Ngoại ngữ, Quốc ngữ, Địa lý/Lịch sử/Công dân
Khối Tự nhiên	Ngoại ngữ, Toán, Tự nhiên
Khối Nhân văn – Tự nhiên (Khoa Kinh tế, v.v..)	Ngoại ngữ, Quốc ngữ, chọn 1 môn giữa Địa lý/Lịch sử/Công dân hoặc Toán

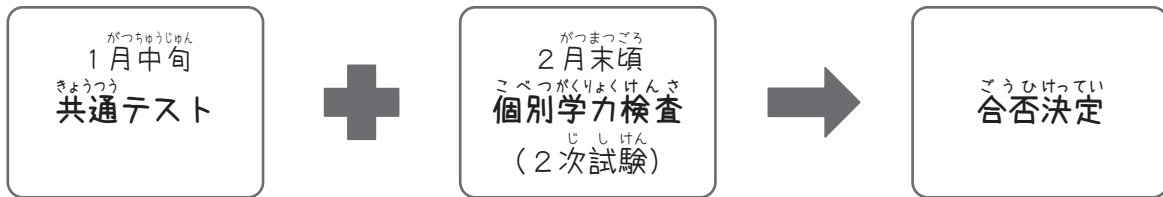
Kỳ thi tuyển sinh chung là gì?

Là kỳ thi được tổ chức vào tháng 1 dành cho thí sinh cả nước, tất cả thí sinh đều làm một đề thi giống nhau trong cùng một ngày (Đề thi theo dạng trắc nghiệm). Các thí sinh tham dự Kỳ thi chung này thường là người muốn đăng ký thi vào Đại học Quốc lập, Đại học Công lập và Đại học tư bằng Hình thức áp dụng Kỳ thi tuyển sinh chung. Đăng ký thi tại trường Trung học phổ thông vào tháng 9 của năm thứ 3.

いっばんせんぱつ 一般選抜とは？ ②

◎国公立大学

国公立大学は共通テスト（⇒7ページ）と個別学力検査（2次試験）の両方を受験し、合計点で合否が決まります。共通テストは5教科7科目、2次試験は3教科のところが多いです。



基本は5教科7科目！（大学によってちがうところもあります）

文系	外国語、国語、数学（2科目）、理科（1科目）、地歴公民（2科目）
理系	外国語、国語、数学（2科目）、理科（2科目）、地歴公民（1科目）



コラム

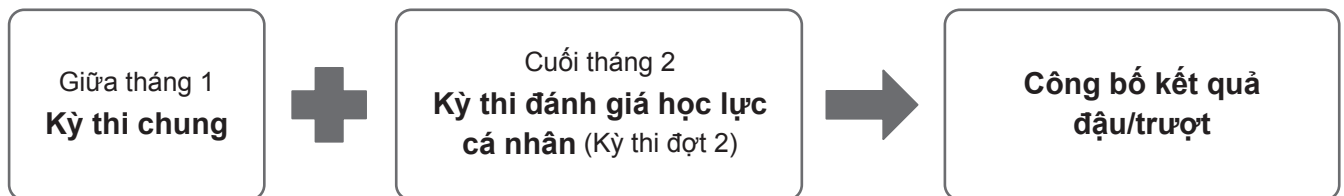
共通テストの「外国語」

外国語には英語のほかに、中国語、韓国語、フランス語、ドイツ語があります。少ないですが、大学・学部・学科によって、英語以外で受験できるところもあります。しかし、大学に入った後も英語の授業はありますし、使うことも多いので、英語を勉強して受験することを強くオススメします。どうしても英語で点数を取ることが難しいときは、自分が得意な言語で受験できる大学・学部・学科を早めに見つけてみましょう。

KỠ THI TUYỂN SINH CHUNG LÀ GÌ? ②

© ĐẠI HỌC QUỐC LẬP, ĐẠI HỌC CÔNG LẬP

Các trường Đại học Công lập Quốc gia yêu cầu thí sinh dự thi cả 2 kỳ thi là Kỳ thi chung (⇒ Trang 7) và Kỳ thi đánh giá học lực cá nhân (Kỳ thi đợt 2), tổng số điểm đạt được sẽ quyết định thí sinh đậu hay trượt. Nhiều trường cho thi 5 hoặc 7 môn trong Kỳ thi chung, 3 môn cho Kỳ thi đợt 2.



Về cơ bản, **THI 5 HOẶC 7 MÔN !**

(Có thể thay đổi tùy theo trường đại học)

Khối Nhân văn	Ngoại ngữ, Quốc ngữ, Toán (2 môn), Tự nhiên (1 môn), Địa lý/Lịch sử/Công dân
Khối Tự nhiên	Ngoại ngữ, Quốc ngữ, Toán (2 môn), Tự nhiên (2 môn), Địa lý/Lịch sử/Công dân



CỘT

Môn “Ngoại ngữ” trong Kỳ thi chung

Môn Ngoại ngữ ngoài tiếng Anh còn có tiếng Trung, tiếng Hàn, tiếng Pháp và tiếng Tây Ban Nha. Mặc dù còn ít nhưng vẫn có một số trường đại học, khoa và ngành học cho phép thí sinh dự thi bằng ngôn ngữ khác ngoài tiếng Anh.

Tuy nhiên, sau khi vào đại học vẫn có tiết học môn tiếng Anh và thường xuyên sử dụng tiếng Anh nên thực sự muốn khuyên các bạn nên học để dự thi bằng tiếng Anh. Nếu bạn gặp khó khăn trong việc đạt điểm cao môn tiếng Anh, hãy thử sớm tìm kiếm trường đại học, khoa hoặc ngành học nào cho phép bạn dự thi bằng ngôn ngữ sở trường.

7. 学校推薦型選抜とは？

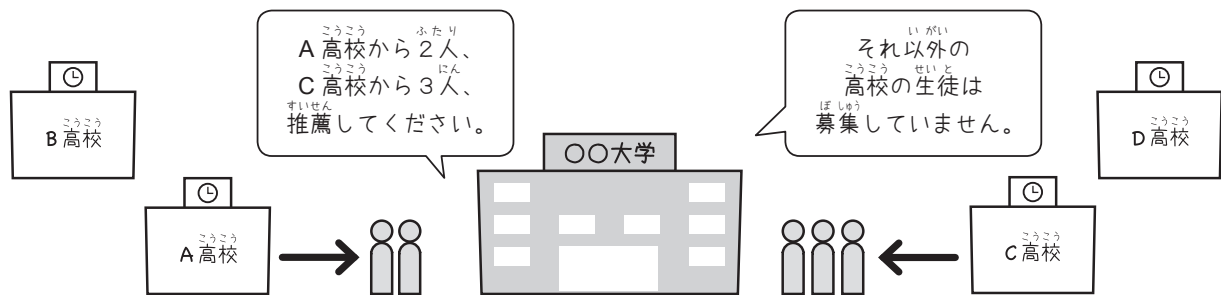
がっこうすいせんがたせんばつ 学校推薦型選抜

自分が通っている高校から大学に優秀な生徒として推薦してもらい、出願するタイプの試験です。学校推薦型選抜には指定校制と公募制という2つのタイプの試験があります。

一般選抜のような難しい入試問題はありませんが、推薦されるには1年生からの成績や出席状況、さまざまな活動の取組みなどがとても大切になります。

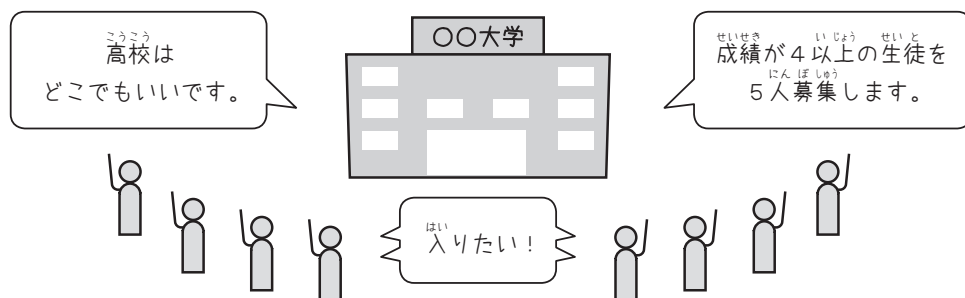
ししていこうせい ◎指定校制

大学が指定した高校の生徒だけが応募できる制度です。高校の成績などの条件があり、学校ごとに人数が決まっています(大体大学の各学部ごと1~2人)。校内で競争することになるので、日ごろの成績と特に出席状況がとても大切になります。この制度を利用して大学を志願した場合は、合格したら必ずその大学に入学しなければなりません。つまり他の大学を受験できなくなるので、注意が必要です。国立にはほとんど指定校制はありません。



こうぼせい ◎公募制

大学が求める成績などの条件にあてはまるなら、どの高校の生徒でも高校から推薦をもらうことができたなら、応募できるという制度です。



7. XÉT TUYỂN TIẾN CỬ LÀ GÌ?

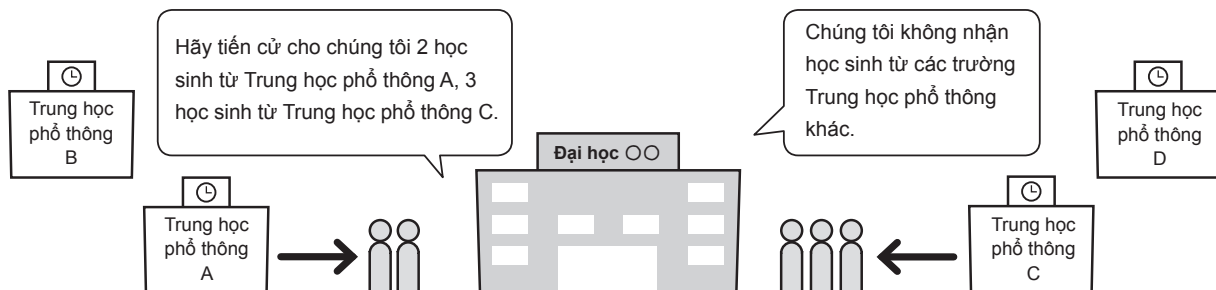
XÉT TUYỂN TIẾN CỬ

Đây là một dạng nộp đơn dự thi vào trường đại học, trong đó thí sinh nhờ trường Trung học phổ thông mà mình đang theo học tiến cử bản thân với tư cách là học sinh ưu tú. Xét tuyển tiến cử có 2 loại là Hệ thống trường được chỉ định và Hệ thống mở.

Đề thi không khó như Kỳ thi tuyển sinh chung, tuy nhiên để được nhà trường tiến cử thì thành tích học tập từ năm 1 Trung học phổ thông, tình trạng chuyên cần, tham gia vào nhiều hoạt động trong trường là các yếu tố đánh giá rất quan trọng.

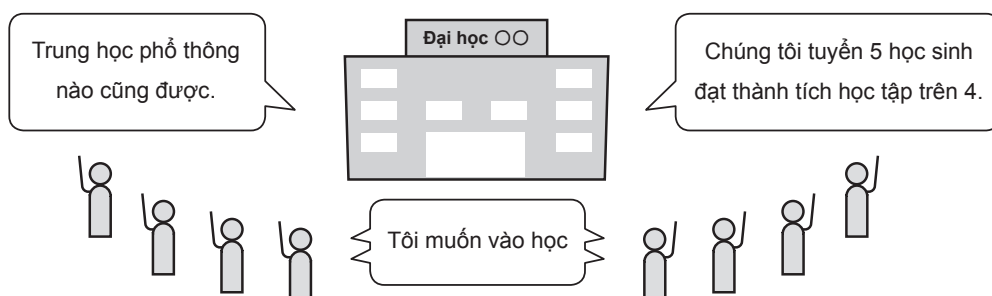
◎ HỆ THỐNG TRƯỜNG ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

Đây là chế độ mà chỉ học sinh từ các trường Trung học phổ thông do trường đại học chỉ định mới có thể đăng ký. Có những điều kiện xét tuyển như đánh giá thành tích học tại trường Trung học phổ thông và quy định về số lượng học sinh được nhận từ mỗi trường THPT (thường là 1-2 sinh viên cho mỗi khoa trong trường đại học). Bạn sẽ phải cạnh tranh ngay trong trường THPT của mình nên thành tích học hàng ngày và đặc biệt là việc đi học chuyên cần rất quan trọng. Nếu bạn có nguyện vọng nộp đơn vào một trường đại học có áp dụng hệ thống này, nếu đậu thì bạn buộc phải theo học tại trường đại học đó. Nói cách khác, bạn sẽ không thể dự thi vào các trường đại học khác được nữa, vì vậy hãy lưu ý điều này. Hầu hết các trường Đại học Quốc lập không có Hệ thống trường học được chỉ định.



◎ HỆ THỐNG MỞ

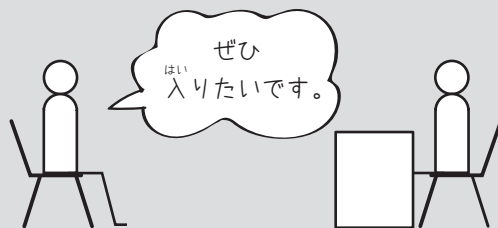
Đây là một hệ thống cho phép học sinh từ bất kỳ trường Trung học phổ thông nào cũng có thể đăng ký nếu đáp ứng được các điều kiện về thành tích học tập theo yêu cầu của trường đại học, nếu như học sinh đó có thể nhận được tiến cử từ trường Trung học phổ thông.



8. 総合型選抜とは？

総合型選抜

学校推薦型選抜が高校までの成績を重視するのに対し、総合型選抜は高校での成績よりも大学入学後のやる気や適性をみる試験です。出願時に志望理由書や課題レポートを書き、面接や小論文、プレゼンテーションで、大学が求めている人物像（アドミッションポリシー）に合っているか、大学の校風に合うかどうか、どれくらい勉強の意欲があるか、勉強したいことが大学と合っているかどうかを試験します。



学校推薦型選抜と総合型選抜は、たくさん作文を書いたり、面接で話したりするので、1人で準備するのは難しい試験です。興味がある人は早めに（1年生の時からでもいいです）担任の先生や進路担当の先生に話してみてください。また、実際に受けることになったら、担任以外で協力してくれる先生を探し、いろいろな人に見てもらいましょう。



コラム

学校推薦型選抜と総合型選抜のちがいは？

どちらも自己PR書類や小論文、面接やプレゼンテーションが多い試験ですが、評価されることがちがいます。

- 学校推薦型選抜 → 高校での成績・努力
- 総合型選抜 → 大学が求める学生像に合っているか

★一般選抜は筆記試験で学力を評価されるものです。自分に合う評価のされ方を考えて受験方法を選びましょう！

8. XÉT TUYỂN TỔNG HỢP LÀ GÌ?

XÉT TUYỂN TỔNG HỢP

Trong khi Xét tuyển tiến cử coi trọng thành tích học tập ở bậc Trung học phổ thông thì ngược lại, Xét tuyển tổng hợp là kỳ thi đánh giá động lực và tính thích hợp của thí sinh sau khi vào đại học, thay vì đánh giá thành tích học tập ở bậc Trung học phổ thông. Tại thời điểm nộp đơn, thí sinh sẽ viết Đơn trình bày nguyện vọng lý do và Bản báo cáo theo chủ đề, sau đó thông qua phỏng vấn, bài Tiểu luận, phần thuyết trình, để kiểm tra xem liệu thí sinh có phù hợp với hình mẫu sinh viên mà trường đại học kỳ vọng hay không (Chính sách tuyển sinh), có phù hợp với văn hóa học đường của trường đại học hay không, động lực học tập như thế nào, liệu ngành học mong muốn học có phù hợp với trường đại học đó hay không.



Xét tuyển tiến cử và Xét tuyển tổng hợp là kỳ thi yêu cầu thí sinh phải viết rất nhiều luận văn và trình bày trong phần phỏng vấn, vì vậy chuẩn bị một mình rất vất vả. Nếu bạn quan tâm đến kỳ thi này thì hãy trao đổi sớm (có thể ngay từ năm 1 Trung học phổ thông) với giáo viên chủ nhiệm và giáo viên phụ trách tư vấn học lên cao. Ngoài ra, nếu thực sự quyết tâm dự thi, hãy tìm thêm nhiều giáo viên khác ngoài giáo viên chủ nhiệm để giúp đỡ, nhờ nhiều người theo dõi việc học.



CỘT

Sự khác nhau giữa Xét tuyển tiến cử và Xét tuyển tổng hợp là gì?

Cả hai đều là kỳ thi yêu cầu nhiều thứ từ thí sinh như Hồ sơ giới thiệu về bản thân, bài Tiểu luận, phỏng vấn và phần thuyết trình, tuy nhiên tiêu chí được đánh giá lại khác nhau.

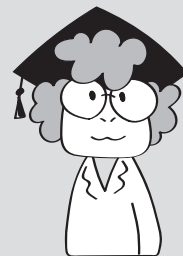
- Xét tuyển tiến cử ➔ Thành tích, học lực của bậc Trung học phổ thông
- Xét tuyển tổng hợp ➔ Có phù hợp với hình mẫu sinh viên mà trường đại học kỳ vọng hay không

★ Xét tuyển tổng hợp là kỳ thi viết nhằm đánh giá học lực của thí sinh. Hãy chọn hình thức dự thi bằng cách cân nhắc phương pháp đánh giá phù hợp với bản thân mình!

9. それぞれの入試方法のアドバイス

がっこうすいせんがた 学校推薦型 そうごうがたせんぱつ 総合型選抜

- 面接や小論文が重要な審査基準になります。受験を決めたら高校の先生に伝えて、何度も面接練習や小論文の練習をしましょう。
- 大学がどんな学生に来てもらいたいかが書かれたアドミッションポリシーは必ずチェックしてください。そして、大学で何を学び、将来どのような人物になりたいのか、そのためになぜこの大学に入りたいのかを、志望理由書や面接で相手にしっかり伝えるように、自分の考えや話したいことをまとめ、日本語で言えるようにしましょう。
- 小論文は、書く内容についてテーマが決められていることが多いので、関連する本をしっかりと読んで、自分の主張に基づいて書けるようにしてください。また、最近のニュースから問題が出ることもあるので、1年生のときからテレビなどのニュースをよく見ておきましょう。



いっぽんせんぱつ 一般選抜

- 基礎的な受験勉強は1、2年生の時から。3年生は過去問を中心に勉強します。
- 大学によって、問題の出し方（選択式・記述式、出題範囲のかたよりなど）がちがいます。大学の過去問集（赤本が有名です）には、大学の問題の特徴も書かれているので、よく読みましょう。
- 塾に通う人もいます。一番大切なのは自分に合うかどうかです。必ず体験入学をして、自分が勉強しやすいかどうか確認しましょう。
- 塾の学費は安くないので、本屋で参考書や問題集を買って自分で勉強し、わからないところを学校の先生に教えてもらうこともできます。夏休み・冬休みに塾の勉強に参加する夏期講習や冬期講習もあります。
- 模試は時間内に問題を解く練習になったり、試験の雰囲気になれたりすることができます。定期的に受けましょう。



9. LỜI KHUYÊN ĐỐI VỚI TỪNG HÌNH THỨC THI TUYỂN SINH

XÉT TUYỂN TIỀN CỬ • XÉT TUYỂN TỔNG HỢP

- Phỏng vấn và bài Tiểu luận trở thành tiêu chí đánh giá quan trọng. Nếu đã quyết tâm dự thi kỳ thi này thì hãy nói với giáo viên ở trường Trung học phổ thông, thường xuyên luyện tập phỏng vấn và viết Tiểu luận.
- Trường đại học muốn nhận sinh viên như thế nào đều được ghi rõ trong Chính sách tuyển sinh, nên phải tìm hiểu cho thật kỹ. Sau đó, hãy tổng hợp lại suy nghĩ và những điều muốn nói, đồng thời thông qua Đơn trình bày nguyện vọng lý do và phỏng vấn, cố gắng truyền đạt rõ ràng bằng tiếng Nhật cho trường đại học hiểu rằng bạn muốn học gì ở đây, tương lai muốn trở thành người như thế nào, bạn muốn vào trường đại học này như thế nào để đạt được mục tiêu đó.
- Các bài Tiểu luận thường được quy định theo chủ đề nhất định, vì vậy hãy nhớ đọc kỹ những cuốn sách liên quan để có thể viết nội dung dựa trên lập luận của riêng mình. Ngoài ra, các vấn đề thời sự gần nhất cũng thường được ra đề, vì vậy ngay từ năm 1 Trung học phổ thông bạn nên thường xuyên theo dõi tin tức trên Tivi.



KỲ THI CHUNG

- Học luyện thi cơ bản thường bắt đầu từ năm 1 hoặc năm 2 Trung học phổ thông. Từ năm 3 thì tập trung giải đề thi đã ra trước đây.
- Tùy theo trường đại học mà có cách ra đề thi khác nhau (dạng đề thi trắc nghiệm, dạng tương thuật, phạm vi ra đề,...). Tuyển tập các đề thi trong quá khứ của các trường đại học (nổi tiếng là Sách đỏ "Akahon") cũng có các đặc trưng về đề thi của trường đại học, vì vậy hãy đọc thật kỹ.
- Có một số bạn đi học luyện thi nhưng quan trọng nhất là có phù hợp với mình hay không. Nhớ đăng ký học thử xem bản thân có dễ dàng theo học được hay không.
- Vì học phí luyện thi không hề rẻ nên bạn có thể mua sách tham khảo, tuyển tập đề thi ở nhà sách và tự học, chỗ nào chưa hiểu thì có thể nhờ giáo viên ở trường dạy cho. Cũng có các khóa học thêm vào kỳ nghỉ hè, nghỉ đông để học sinh luyện thi.
- Đề thi thử là một cách tuyệt vời để giải đề trong khung thời gian quy định và để làm quen với không khí của kỳ thi. Hãy tham gia thi thử thường xuyên.



10. 進学にむけての3年間

	し ぼう こう え ら 志望校選び	に ゆ う が く し けん む 入学試験に向けて	
1 年 生 ねんせい	<p>◇どんな職業や学問があるか調べる。</p> <p>◇オープンキャンパス、進路フェア・文化祭に行ってみる（大学ってどんなところかな?）。</p> <p>◇文系、理系を決める。</p>	<p>◎勉強 1年生から定期テストを中心に勉強する。受験勉強の基礎になります。また、学校推薦型・総合型選抜は1年生の成績から対象です。</p> <p>◎学校生活など 遅刻・欠席をしないようにする。どんな試験でも遅刻・欠席数はチェックされます。</p> <p>◎資格・検定など 日本語能力試験や英検、中国語検定、HSKなど母語の資格を2年生までに受けておく。3年生は受験で忙しくなります。</p>	
2 年 生 ねんせい	<p>◇どんな大学・学部があるか調べる。</p> <p>◇オープンキャンパス、進路フェアや文化祭に行ってみる（新しい発見があるかも?）。</p> <p>◇模擬試験を受ける。</p> <p>◇志望大学、学部を決める。</p>	<p>◎資格・検定など 日本語能力試験や英検、中国語検定、HSKなど母語の資格を2年生までに受けておく。3年生は受験で忙しくなります。</p>	
3 年 生 ねんせい	<p>◇第1志望を決める。</p> <p>◇第2、第3志望を決める。</p> <p>◇オープンキャンパス、進路フェア・文化祭に行ってみる（自分が勉強したい大学はここがいいのかな?）。</p>	<p>一般選抜</p> <p>入試問題に近い応用問題を解く。 過去問に取り組み、弱点を克服する。</p>	<p>学校推薦型・総合型選抜</p> <p>小論文の練習。 試験に備えて先生に相談。 書類を書いたり、面接練習。</p>
		<p>じゆ けん じゆ けん !! (⇒ 14 ページ)</p>	

★選択科目に注意!

2、3年生時の選択科目は、大学受験の試験科目のことを考えて決めましょう。選択した科目によっては、志望校の試験に対応できなくなってしまいます。

★資格・検定は受験に必要??

外国語の検定は学校推薦型・総合型選抜では条件になっていたり、評価の対象になったりします。一般選抜でも得点の加点になることもあります。外国にルーツのある生徒対象の入試を行う大学はまだ少ないですが、そうした大学では日本語能力試験も条件にしていることが多いです。

10. 3 NĂM CHUẨN BỊ CHO CON ĐƯỜNG HỌC VẤN CAO HƠN

	Chọn trường nguyện vọng	Chuẩn bị cho kỳ thi đại học	
THPT Năm 1	<ul style="list-style-type: none"> ◇ Tìm hiểu những loại công việc và ngành học hiện có. ◇ Thử đi tham dự Open Campus (giới thiệu về trường), các Buổi giải thích hướng dẫn về việc học lên bậc cao hơn, hoặc Lễ hội văn hóa (để tìm hiểu xem trường đại học là nơi như thế nào?). ◇ Quyết định Khối nhân văn hay Khối Tự nhiên. 	<p>◎ Học tập Ngay từ năm 1 Trung học phổ thông cố gắng tập trung học để lấy điểm cao trong các bài kiểm tra định kỳ. Đây sẽ là nền tảng cho việc luyện thi đại học. Ngoài ra, thành tích học tập của bạn ngay từ năm 1 bậc THPT sẽ là tiêu chí để đăng ký dự thi theo hình thức Xét tuyển tiến cử hay Xét tuyển tổng hợp.</p> <p>◎ Đời sống học đường,... Cố gắng không đi học trễ hoặc nghỉ học. Bất cứ kỳ thi nào cũng đều kiểm tra số lần đi trễ, nghỉ học của thí sinh.</p> <p>Tích cực tham gia các sự kiện, hoạt động câu lạc bộ, công tác tình nguyện,...</p> <p>◎ Chứng chỉ, Kỳ thi năng lực, v.v. Cho đến cuối năm 2 bậc THPT, học sinh phải tham gia kỳ thi Năng lực tiếng Nhật, Kỳ thi năng lực tiếng Anh, Kỳ thi năng lực tiếng Trung (HSK) và các bằng cấp khác bằng tiếng mẹ đẻ. Học sinh năm 3 Trung học phổ thông sẽ rất bận rộn với các kỳ thi.</p>	
THPT Năm 2	<ul style="list-style-type: none"> ◇ Tìm hiểu có những trường đại học nào và khoa nào. ◇ Thử đi tham dự Open Campus (giới thiệu về trường), các buổi giải thích hướng dẫn về việc học lên bậc cao hơn, hoặc lễ hội văn hóa (biết đâu lại có các phát hiện mới?). ◇ Làm đề thi thử. ◇ Quyết định chọn trường đại học nguyện vọng và khoa muốn thi vào. 		
THPT Năm 3	<ul style="list-style-type: none"> ◇ Quyết định trường nguyện vọng 1. ◇ Quyết định trường nguyện vọng 2, nguyện vọng 3. ◇ Thử đi tham dự sự kiện Open Campus (giới thiệu về trường), các buổi giải thích hướng dẫn về việc học lên bậc cao hơn, hoặc lễ hội văn hóa (liệu đây có đúng là trường đại học mà mình muốn theo học hay không?). 	Kỳ thi chung	Xét tuyển tiến cử Xét tuyển tổng hợp
		Giải các đề thi ứng dụng tương tự như đề thi đại học. Luyện giải các đề thi trước đây để khắc phục điểm yếu.	Luyện tập viết bài Tiểu luận. Tư vấn với giáo viên để chuẩn bị cho kỳ thi. Viết hồ sơ đăng ký thi và luyện tập phỏng vấn.
Dự thi !! (⇒ Trang 14)			

★ Lưu ý với các môn học tự chọn!

Khi quyết định các môn tự chọn trong năm 2 và năm 3 bậc Trung học phổ thông, hãy nghĩ đến những môn bạn sẽ thi trong kỳ thi tuyển sinh đại học. Tùy thuộc vào môn học bạn chọn, có thể đề thi của trường nguyện vọng không có các môn này.

★ Chứng chỉ, Kỳ thi năng lực có cần thiết đối với kỳ thi tuyển sinh hay không??

Kỳ thi năng lực ngoại ngữ có thể là điều kiện hoặc yếu tố để đánh giá thí khi đăng ký dự thi theo hình thức Xét tuyển tiến cử và Xét tuyển tổng hợp. Có khi sẽ được cộng thêm điểm trong Kỳ thi tuyển sinh chung. Mặc dù chỉ có một số trường đại học tổ chức kỳ thi tuyển sinh cho đối tượng là thí sinh có nguồn gốc nước ngoài, nhưng họ thường đặt điều kiện là có Chứng chỉ năng lực tiếng Nhật.

11. 志望校選びのチェックポイント

自分を知る！ 模擬試験を受けて、得意・苦手分野と偏差値を知ろう！

模擬試験は大手予備校が行っている大学入試に似た問題の試験です(大体 5,000 ~ 6,000 円)。日本中の受験者の中での自分の学力の高さ(偏差値)がわかります。大学は高校とはちがいで、日本中から受験する人が集まるので、自分が日本の中でどのくらい勉強ができるのかを知る必要があります！

学力： 低い まん 中 たか 高い
 偏差値： 25 ←————— 50 —————→ 75

大学を知る！ 大学で学べること、雰囲気、偏差値、学費を知ろう！

◎学べることを知るには？

将来なりたい仕事がある程度決まっていれば、それに合わせて志望大学・学部を探すことができます。それぞれの大学・学部に就職者が多い職業や会社があるので、大学のホームページで卒業生の進路を確認しましょう。また、先生になるために必要な教員免許など、その大学・学部で何の資格が取れるのかもチェック！！

◎雰囲気を知るには？

大学の雰囲気もそれぞれの大学でかなりちがいます。男女比、留学生や外国人学生の人数など、自分がなじみやすい雰囲気かどうか確認しましょう。大学の雰囲気を知るためにはオープンキャンパス(高校の学校説明会・見学会のようなもの)に参加しましょう。学校推薦型・総合型選抜では、オープンキャンパスに参加したかどうか聞かれることも多いです。何回でも行くようにしましょう！

◎偏差値を知るには？

大学の偏差値はインターネットで調べることができます。同じ大学でも学部によって偏差値がちがいますので、よく調べてみましょう。

例：「A 大学 X 学部 偏差値 54」と書いてある場合

→ 「A 大学 X 学部には、自分の偏差値が 54 を越えれば合格する可能性が高い」ことを示す。

◎学費を知るには？

ホームページやパンフレットで確認することができます。大学・学部によってかかる学費はちがいます(⇒ 18 ページ)。

11. CÁC ĐIỂM CẦN LƯU Ý KHI CHỌN TRƯỜNG

Hiểu rõ bản thân! Tham gia các kỳ thi thử để nắm được điểm mạnh, điểm yếu của mình cũng như Hensachi (Điểm chuẩn)!

Kỳ thi thử là đề thi có các câu hỏi tương tự như kỳ thi tuyển sinh đại học do các trường dự bị lớn tổ chức (lệ phí khoảng 5.000 đến 6.000 yên). Bạn có thể biết được trình độ học lực của mình (Điểm chuẩn) so với các thí sinh trên khắp Nhật Bản. Khác với các trường Trung học phổ thông, các trường đại học tuyển sinh viên trên phạm vi khắp Nhật Bản, vì vậy bạn cần phải biết học lực mình ở mức độ nào tại Nhật Bản!

Học lực:	Thấp	Trung bình	Cao
Hensachi (Điểm chuẩn):	25	← 50 →	75

Tìm hiểu trường Đại học! Tìm hiểu về những điều bạn có thể học ở trường đại học, bầu không khí, Hensachi (Điểm chuẩn) và học phí!

◎ Làm sao để biết mình có thể học được gì?

Nếu bạn có ý tưởng nhất định về công việc mình muốn làm trong tương lai, bạn có thể tìm kiếm trường đại học hoặc khoa phù hợp dựa trên lựa chọn đó. Mỗi trường đại học và khoa đều có những ngành nghề để xin việc làm và có nhiều công ty tuyển dụng, vì vậy hãy kiểm tra trang web của trường để biết tỉ lệ tìm được việc làm của sinh viên tốt nghiệp. Ngoài ra, hãy tìm hiểu xem bạn có thể đạt được những bằng cấp nào tại trường đại học hoặc khoa của mình, chẳng hạn như Chứng chỉ cho phép giảng dạy để trở thành giáo viên!!

◎ Làm sao để biết được bầu không khí của trường đại học?

Không khí của mỗi trường đại học cũng khá khác nhau. Xác nhận xem liệu bầu không khí có dễ làm quen hay không, chẳng hạn như tỷ lệ sinh viên nam và nữ, số lượng sinh viên quốc tế. Để cảm nhận được bầu không khí của trường đại học, hãy tham gia sự kiện Open Campus (tương tự như các buổi giới thiệu và tham quan ở trường Trung học phổ thông). Đối với hình thức Xét tuyển tiến cử và Xét tuyển tổng hợp, bạn thường được hỏi liệu bạn đã tham gia Open Campus hay không. Hãy cố gắng đi thật nhiều nhé!

◎ Làm sao để biết Hensachi (Điểm chuẩn)?

Bạn có thể kiểm tra Hensachi của các trường trên Internet. Ngay cả trong cùng một trường đại học, Hensachi cũng khác nhau tùy theo khoa, vì vậy hãy kiểm tra thật kỹ.

Ví dụ: Nếu viết là “Đại học A, Khoa X, Hensachi 54”.

→ Điều này có nghĩa là “Nếu Hensachi của bạn trên 54, bạn có cơ hội cao được nhận vào Khoa X của Đại học A”.

◎ Làm thế nào tôi có thể biết được học phí?

Bạn có thể tìm hiểu học phí trên trang web hoặc trong tờ rơi của trường. Học phí khác nhau tùy theo trường đại học và khoa (⇒ Trang 18).

12. 入試カレンダー

高校3年生の秋以降から、入試の申し込みがスタートします。このカレンダーで受験申し込みの時期を確認し、忘れないように手続きを行ってください。

2020年の例

月	一般選抜		推薦型選抜		総合型選抜
	国公立大学	私立大学	指定校制	公募制	
9月	共通テスト 受験申し込み	(必要な生徒は) 共通テスト受験 申し込み	校内推薦に申込み 校内選抜 推薦者決定		大学に受験申込み 総合型選抜を受験
10月				校内に推薦申込み	合格発表
11月			大学に受験申込み 推薦型選抜受験	大学に受験申込み 推薦型選抜受験	* 大学によって時期がちがう。 何回も選抜を行う 大学もある。
12月			合格発表	合格発表	
1月	共通テスト受験 大学に2次試験 申し込み	共通テスト受験 大学に受験申込み			
2月	2次試験受験	一般選抜試験 合格発表			
3月	合格発表				

※年度によって変わりますので、高校の先生やインターネットで確認してください。



12. LỊCH THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC

Đơn đăng ký dự thi đại học bắt đầu vào mùa thu năm 3 bậc Trung học phổ thông. Hãy sử dụng lịch này để xác nhận thời điểm đăng ký dự thi và đừng quên hoàn tất các thủ tục đăng ký.

Ví dụ cho năm 2020:

	Kỳ thi chung		Xét tuyển tiến cử		Xét tuyển tổng hợp
	Đại học Quốc lập - Công lập	Đại học tư	Hệ thống trường được chỉ định	Hệ thống mở	
Tháng 9	Đăng ký dự thi Kỳ thi chung	(Chỉ thí sinh có yêu cầu) Đăng ký dự thi Kỳ thi chung	Đăng ký xin trường tiến cử Công bố học sinh được tiến cử		Đăng ký dự thi với trường Đại học Dự thi theo hình thức Xét tuyển tổng hợp
Tháng 10				Đăng ký xin trường tiến cử	
Tháng 11			Đăng ký dự thi với trường Đại học Dự thi theo hình thức tiến cử	Đăng ký dự thi với trường Đại học Dự thi theo hình thức tiến cử	Công bố kết quả * Thời gian công bố kết quả khác nhau tùy trường Đại học. Một số trường Đại học tổ chức tuyển sinh nhiều lần.
Tháng 12			Công bố kết quả	Công bố kết quả	
Tháng 1	Dự thi Kỳ thi chung Đăng ký với trường Đại học thi đợt 2	Dự thi Kỳ thi chung Đăng ký dự thi với trường Đại học			
Tháng 2	Thi đợt 2	Dự thi Kỳ thi xét tuyển chung Công bố kết quả			
Tháng 3	Công bố kết quả				

※ Lịch có thể thay đổi tùy theo năm, vì vậy hãy xác nhận với giáo viên THPT và trên Internet.

13. お金が心配で、進学を悩んでいるあなたへ

お金が心配だけど、技術を身につけたい、知識を増やしたい人もいます。高校を卒業して、早く働きたい人もいます。ただ、高校卒業後も学ぶことで、仕事先の幅が広がったり、給料の良い仕事を見つれたり、技術を身につけて安定して働いたりすることもできます。まずはいろんな情報を調べてみましょう。

大学・短大・専門学校へ進学

奨学金や教育ローン	進学する本人が、もしくは保護者がお金を借りて、学費を払う方法です (→ 21 ページ)。
夜間大学 (短大・専門学校もある)	日中は働きながら夕方以降に学校に通う方法。学費は昼間より安いです (→ 18 ページ)。
通信制大学 (短大・専門学校もある)	働きながら教科書を使った家での勉強や、映像で講義を受けてレポート課題を提出することで勉強していく学校です。学費は昼間より安いです。 ★勉強する気持ちが大きくなないと、途中で辞めてしまうことも多いようです。

それ以外の進学 … 厚生労働省(国)や県などが設置する学校

【期間】 1～2年くらい

【学習内容】 仕事に必要な専門技術を学ぶ。

生産技術・電子技術・コンピューター技術・建築・設計・農業などのコース

【学費】 10～30万円くらい。

★学校の数や募集人数が少なく、就職先は学んだ内容に関係する会社になります。

早めにオープンキャンパスや体験学習に参加しましょう。

職業能力開発大学校(2年制)	北海道・宮城・栃木・富山・岐阜・大阪・岡山・香川・福岡・沖縄(全国10校)
産業技術短期大学校(2年制)	山形・福岡・茨城・横浜・山梨・長野・広島など(全国17校)
職業訓練校(1～2年制)	各県でいろいろな名前があり、制度もちがいます。(全国18県) 例) 東京→都立職業能力開発センター 神奈川→県立職業技術校(かなテクカレッジ) 愛知県→県立名古屋高等技術専門校
農業大学校(2年制)	秋田・富山・福井以外のすべての県

13. DÀNH CHO NHỮNG NGƯỜI ĐANG LO LẮNG VỀ TÀI CHÍNH

Có thể có những người lo lắng về tiền bạc nhưng lại muốn học thêm kỹ năng hoặc nâng cao kiến thức. Có một số người muốn đi làm ngay sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông. Tuy nhiên, nếu tiếp tục học lên sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông, bạn có thể mở rộng phạm vi nghề nghiệp của mình, tìm được một công việc có mức lương cao, có được kỹ năng và có công việc ổn định. Trước tiên, hãy xem thật nhiều thông tin.

HỌC LÊN ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG, TRƯỜNG CHUYÊN MÔN

Học bổng và Khoản vay giáo dục	Là hình thức cho chính sinh viên hoặc Phụ huynh vay tiền để đóng học phí (⇒ Trang 21)
Đại học Hệ buổi tối (Cũng có Cao đẳng, Trường chuyên môn)	Là hình thức sinh viên ban ngày đi làm, buổi tối đi học. Học phí rẻ hơn so với Hệ học ban ngày (⇒ Trang 18)
Đại học từ xa (Cũng có Cao đẳng, Trường chuyên môn)	Đây là trường học mà sinh viên vừa đi làm vừa học ở nhà bằng cách sử dụng sách giáo khoa, hoặc bằng cách tham dự các bài giảng video và sau đó nộp báo cáo. Học phí rẻ hơn so với Hệ học ban ngày. ★ Nếu sinh viên không có ý chí học tập cao, các em thường bỏ học giữa chừng.

Các Loại Trường Khác ... Trường do Bộ Y tế Lao động Phúc lợi (Quốc gia) và do Tỉnh thành lập,...

[Thời gian học] Khoảng 1 đến 2 năm

[Nội dung học tập] Học các kỹ năng chuyên môn cần thiết cho công việc.

Có các khóa học về Kỹ thuật sản xuất, Kỹ thuật điện tử, Công nghệ máy tính, Kiến trúc, Thiết kế, Nông nghiệp,...

[Học phí] Khoảng 100,000 đến 300,000 yên.

★ Số lượng trường học và số lượng tuyển sinh rất ít, các công ty bạn tìm việc làm đều liên quan đến những gì bạn đã học.

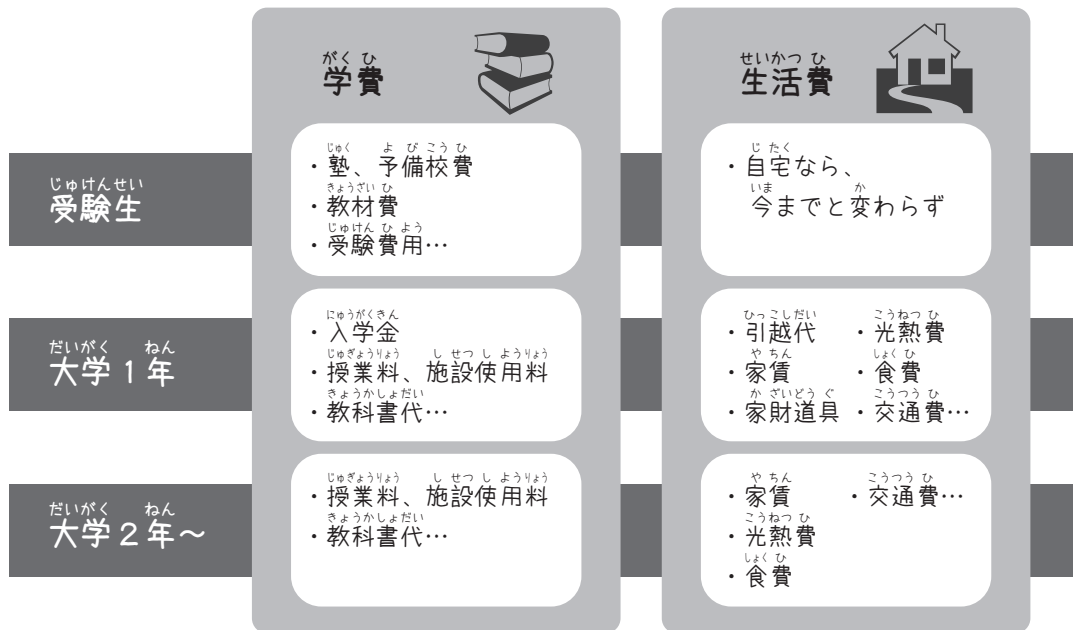
Hãy tham gia sự kiện Open Campus và tham quan trải nghiệm càng sớm càng tốt.

Cao đẳng phát triển năng lực nghề nghiệp (2 năm)	Hokkaido, Miyagi, Tochigi, Toyama, Gifu, Osaka, Okayama, Kagawa, Fukuoka, Okinawa (Cả nước có 10 trường)
Cao đẳng Kỹ thuật Công nghiệp (2 năm)	Yamagata, Fukuoka, Ibaraki, Yokohama, Yamanashi, Nagano, Hiroshima, ... (Cả nước có 17 trường)
Trường dạy nghề (1-2 năm)	Mỗi tỉnh có tên khác nhau và hệ thống khác nhau. (18 tỉnh) Ví dụ) Tokyo→Trung tâm phát triển năng lực nghề nghiệp thủ đô Kanagawa→Trường kỹ thuật nghề tỉnh (Kanatech College) Tỉnh Aichi→Cao đẳng kỹ thuật Nagoya
Cao đẳng Nông nghiệp (2 năm)	Tất cả các tỉnh ngoại trừ Akita, Toyama và Fukui

14. 大学進学・通学のためにかかるお金

4年間でかかるお金

大学4年間の学費は、私立大学でおおよそ400～600万円、国公立で約250万円かかります。大学進学・通学のためにかかるお金は、受験前、入学するとき、通っているときに、それぞれ学費と生活費がかかります。



◎忘れてはいけない受験前と入学後にかかるお金

大学受験のための勉強

- 塾の月謝：毎月5～10万円
- 参考書代：半年で1～2万円
- 模擬試験の受験料：1回5,000～6,000円
- 英検2級の受験料：1回7,400円

生活準備費

大学入学に向けて、パソコンや教科書を買わなければなりません。特に一人暮らしを始める場合は、さまざまな生活用品を買ったり、住むところを準備したりする必要があります。

4年間の生活費

自宅暮らし：約175万円

一人暮らし：約445万円(日本学生支援機構「平成30年度学生生活調査結果」より算出)

14. CHI PHÍ CẦN THIẾT ĐỂ HỌC ĐẠI HỌC

CHI PHÍ CẦN THIẾT CHO 4 NĂM HỌC

Học phí trong 4 năm của trường Đại học tư là khoảng 4,000,000 đến 6,000,000 yên, trường Đại học Quốc lập và Đại học Công lập là khoảng 2,500,000 yên. Số tiền cần thiết để theo học đại học và phí giao thông được tính từ trước khi tham gia kỳ thi tuyển sinh, khi nhập học và khi đi học hàng ngày, học phí và phí sinh hoạt.

	Học phí 	Phí sinh hoạt 
Thí sinh dự thi	<ul style="list-style-type: none">• Phí học thêm, trường dự bị• Tiền sách giáo khoa• Phí dự thi,...	<ul style="list-style-type: none">• Nếu ở nhà thì chi phí không thay đổi
Sinh viên năm 1	<ul style="list-style-type: none">• Tiền nhập học• Học phí, tiền cơ sở vật chất• Tiền sách giáo khoa,...	<ul style="list-style-type: none">• Tiền chuyển nhà• Tiền thuê nhà• Đồ đạc trong nhà• Tiền điện• Tiền ăn• Tiền đi lại
Sinh viên năm 2 trở đi	<ul style="list-style-type: none">• Học phí, tiền cơ sở vật chất• Sách giáo khoa,...	<ul style="list-style-type: none">• Tiền thuê nhà• Tiền điện• Tiền ăn• Tiền đi lại

© ĐỪNG QUÊN CÁC KHOẢN TIỀN CẦN THIẾT TRƯỚC KHI DỰ THI VÀ SAU KHI NHẬP HỌC

Luyện thi tuyển sinh đại học

- Tiền học thêm kèm hàng tháng: 50,000 – 100,000 yên mỗi tháng
- Sách tham khảo: 10,000 – 20,000 yên trong nửa năm
- Lệ phí thi thử: 5,000 – 6,000 yên /1 lần
- Lệ phí thi Năng lực tiếng Anh Cấp độ 2: 7,400 yên /1 lần

Chi phí chuẩn bị cuộc sống mới

Khi nhập học đại học, bạn sẽ phải mua máy tính và sách giáo khoa. Đặc biệt nếu bắt đầu sống một mình, bạn sẽ cần mua nhiều loại đồ dùng sinh hoạt và tìm nơi ở.

Phí sinh hoạt trong 4 năm

Sống chung với gia đình : khoảng 1,750,000 yên

Sống một mình : khoảng 4,450,000 yên (Trích dẫn từ “Kết quả khảo sát cuộc sống của sinh viên năm 2018” của Tổ chức Hỗ trợ học sinh Nhật Bản)

15. 大学受験にかかるお金

大学受験料

大学の受験料は、決して安い金額ではありません。志望する大学の受験料がいくらののか、前もって確認しておく必要があります。たとえば私立大学では、試験の種類によっても金額が変わるので、気をつけてください。

		料金
共通テスト	3教科以上	18,000 円
	2教科以下	12,000 円
国公立大学 (平均)		17,000 円
私立大学 (平均)	【一般選抜】 独自問題のみ	30,000 ~ 35,000 円
	【一般選抜】 共通テスト利用	10,000 ~ 20,000 円
	総合型・学校推薦型選抜	30,000 ~ 35,000 円

◎ 大学受験料の例

国公立大学を受験

$$18,000 \text{ 円 (共通テスト・3教科)} + 17,000 \text{ 円 (国公立)} = 35,000 \text{ 円}$$

私立大学を受験

① 独自問題のみを受験 = 35,000 円

② 共通テスト利用を受験

$$12,000 \text{ 円 (共通テスト・2教科)} + 20,000 \text{ 円 (共通テスト利用入試)} = 32,000 \text{ 円}$$

③ 総合型・学校推薦型選抜を受験 = 35,000 円

★ 一般選抜では、一般的に3校以上を受験する人が多いです。

例えば私立 (独自問題) だと、35,000 円 × 3 = 105,000 円 かかります。

受験する大学を増やすと、受験料もそれだけ多くかかります。受験料や合格の可能性も考えて、受験する大学を決めましょう。



15. CHI PHÍ DỰ THI ĐẠI HỌC

LỆ PHÍ THI ĐẠI HỌC

Lệ phí thi tuyển sinh đại học không hề rẻ. Bạn cần kiểm tra trước lệ phí thi của trường đại học mà bạn muốn đăng ký là bao nhiêu. Ví dụ, tại các trường Đại học tư, lệ phí thay đổi tùy thuộc vào loại hình thức dự thi, vì vậy hãy cẩn thận.

		Lệ phí
Đề thi chung	Trên 3 môn	18,000 yên
	Dưới 2 môn	12,000 yên
Đại học Quốc lập, Công lập (Trung bình)		17,000 yên
Đại học tư	【Xét tuyển chung】 Đề thi đặc thù của trường	30,000 – 35,000 yên
	【Xét tuyển chung】 Sử dụng đề thi chung	10,000 – 20,000 yên
	Xét tuyển tổng hợp, Xét tuyển tiến cử	30,000 – 35,000 yên

◎ Ví dụ về Lệ phí thi Đại học

Dự thi vào Đại học Quốc lập, Đại học Công lập

18,000 yên (Đề thi chung, 3 môn) + 17,000 yên (Đại học Quốc lập, Công lập) = **35,000 yên**

Dự thi vào Đại học tư

① Đề thi đặc thù của trường = **35,000 yên**

② Đề thi chung

12,000 yên (Đề thi chung, 2 môn) + 20,000 yên (Sử dụng đề thi chung) = **32,000 yên**

③ Xét tuyển tổng hợp, Xét tuyển tiến cử = **35,000 yên**

★ Với hình thức Xét tuyển chung, thông thường nhiều học sinh đăng ký dự thi trên 3 trường.

Ví dụ, nếu là trường Đại học tư (Đề thi đặc thù) thì sẽ cần 35,000 yên × 3 = **105,000 yên**.


Càng nộp đơn dự thi vào nhiều trường đại học thì bạn càng tốn nhiều tiền cho Lệ phí thi. Hãy suy nghĩ về Lệ phí thi và xác suất thi đậu rồi mới quyết định chọn trường đăng ký dự thi nhé.



16. 入学金と授業料

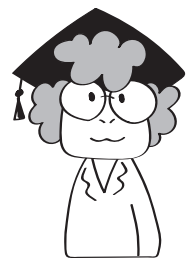
大学に合格し、その大学に入学するときには、合格通知後すぐに入学金と授業料（6ヶ月分）を振り込む必要があります。金額は国立大学、公立大学、私立大学によってちがいます。

	国立	公立	私立文系	私立理系	私立文系(夜間)
入学金	28万円	40万円	23万円	25万円	18万円
授業料など(半年分)	27万円	27万円	54万円	72万円	32万円
合計	55万円	67万円	77万円	97万円	50万円

つまり  入学時に支払う金額：一度におよそ 50～100万円

- ★高校のように月ごとの振り込みではありません。
年に1回か、2回に分けて払う大学が多いです。
- ★入学金振り込みの期限を1日でも過ぎると、入学できなくなります。
必ず期限までに入学金を振り込んでください。
- ★とくに学校推薦型選抜・総合型選抜は入学金の支払いが一般選抜より早いので注意！

志望校を選ぶときは、志望順位と入学金の振り込み期間をよく確認してから決めるようにしましょう。第2、第3志望校に合格して入学金を払った後で、第1志望に合格した場合、払った入学金は戻ってこないことが多いです。




	国立	公立	私立文系	私立理系	私立文系(夜間)
初年度学費	82万円	94万円	116万円	154万円	71万円

* 国立・公立：文部科学省「平成29年度国公立大学の授業料等の推移」／私立（文系・理系）：文部科学省「平成30年度私立大学入学者に係る学生納付金平均額」／私立文系（夜間）：東京都内A大学の場合（ABCジャパン調べ）

16. TIỀN NHẬP HỌC VÀ HỌC PHÍ

Nếu bạn thi đậu và để được nhận vào trường đại học nào đó, bạn sẽ được yêu cầu chuyển khoản Tiền nhập học và Học phí (trong 6 tháng) ngay sau khi nhận được thông báo trúng tuyển. Số tiền này khác nhau tùy thuộc vào các trường Đại học Quốc lập, Đại học Công lập và Đại học tư.

	Đại học Quốc lập	Đại học Công lập	Đại học tư Khối Nhân văn	Đại học tư Khối Tự nhiên	Đại học tư Khối Nhân văn (Hệ buổi tối)
Tiền nhập học	280,000 yên	400,000 yên	230,000 yên	250,000 yên	180,000 yên
Học phí (6 tháng)	270,000 yên	270,000 yên	540,000 yên	720,000 yên	320,000 yên
Tổng	550,000 yên	670,000 yên	770,000 yên	970,000 yên	500,000 yên

Có nghĩa là  **Số tiền phải đóng khi nhập học: khoảng 500,000 – 1,000,000 yên (đóng 1 lần)**

- ★ Không chuyển khoản hàng tháng giống như Trung học phổ thông
Nhiều trường đại học chia ra đóng 1 lần hoặc 2 lần mỗi năm.
- ★ Nếu quá thời hạn chuyển khoản dù chỉ một ngày, bạn sẽ không được nhập học.
Nhất định phải chuyển khoản Tiền nhập học trước thời hạn.
- ★ Đặc biệt cần lưu ý rằng đối với Xét tuyển tiến cử và Xét tuyển tổng hợp thì thời hạn đóng Tiền nhập học sớm hơn so với Xét tuyển chung!

Khi chọn trường muốn thi vào, hãy xác nhận thật kỹ thứ tự nguyện vọng và thời hạn chuyển khoản Tiền nhập học. Nếu như được nhận vào trường nguyện vọng 2, nguyện vọng 3 và đã đóng Tiền nhập học, sau đó mới biết thi đậu trường nguyện vọng 1, thì số Tiền nhập học đã đóng sẽ không được hoàn lại.



	Đại học Quốc lập	Đại học Công lập	Đại học tư Khối Nhân văn	Đại học tư Khối Tự nhiên	Đại học tư Khối Nhân văn (Hệ buổi tối)
Học phí năm đầu tiên	820,000 yên	940,000 yên	1,160,000 yên	1,540,000 yên	710,000 yên

* Đại học Quốc lập, Công lập: Bộ Giáo dục, Văn hóa, Thể thao, Khoa học và Công nghệ (MEXT) "Sự thay đổi Học phí tại các trường Đại học Quốc lập, Công lập và Đại học tư trong năm 2017" / Đại học tư (Khối Nhân văn, Khối Tự nhiên) : MEXT, "Số tiền trung bình phải đóng đối với sinh viên nhập học vào các trường Đại học tư năm 2018" / Đại học tư Khối Nhân văn (Hệ buổi tối) : Trường hợp Đại học A ở Tokyo (theo ABC Japan)

17. 卒業までの学費はいくら？

卒業までにかかる学費

…学校のホームページやパンフレットに書いてある学費を見て計算してみよう！

にゅうがくきん 入学金				えん 円	
じゅぎょうりょう 授業料	ねんかん 年間	えん 円	×	ざいがくねんすう 在学年数 ねん 年	えん 円
しせつせつびひ 施設設備費	ねんかん 年間	えん 円	×	ねん 年	えん 円
そのほか	ねんかん 年間	えん 円	×	ねん 年	えん 円
ごう けい 合計				えん 円	

にゅうがくきん 入学金				えん 円	
じゅぎょうりょう 授業料	ねんかん 年間	えん 円	×	ざいがくねんすう 在学年数 ねん 年	えん 円
しせつせつびひ 施設設備費	ねんかん 年間	えん 円	×	ねん 年	えん 円
そのほか	ねんかん 年間	えん 円	×	ねん 年	えん 円
ごう けい 合計				えん 円	

ほかにも、^{じゅけんりょう}受験料などはどのくらいかかりそうかな？

17. CHI PHÍ CHO ĐẾN KHI TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

HỌC PHÍ CHO ĐẾN KHI TỐT NGHIỆP

...Hãy thử tính học phí được ghi trên trang web và tờ rơi của trường Đại học!

Tiền nhập học					yên
Học phí	Số năm	yên	×	Số năm theo học năm	yên
Tiền cơ sở vật chất	Số năm	yên	×	năm	yên
Các khoản khác	Số năm	yên	×	năm	yên
Tổng					yên

Tiền nhập học					yên
Học phí	Số năm	yên	×	Số năm theo học năm	yên
Tiền cơ sở vật chất	Số năm	yên	×	năm	yên
Các khoản khác	Số năm	yên	×	năm	yên
Tổng					yên

Ngoài ra, tính thêm Lệ phí thi thì sẽ mất khoảng bao nhiêu tiền?

18. 家族でお金の計画を

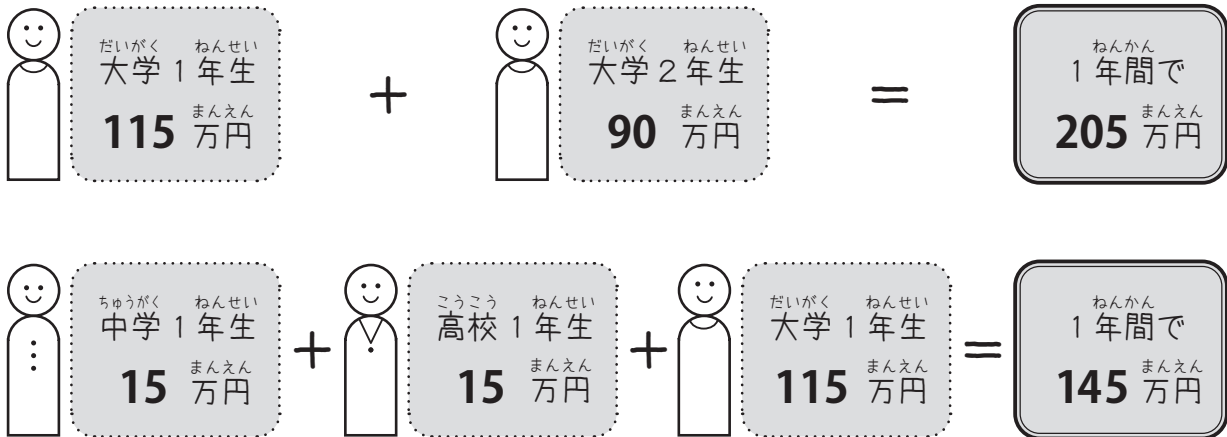
大学に入学するためには、多くのお金が必要になります。ですからもし大学進学のためだけに貯金を使い果たしてしまうと、下の子どもの大学進学や親の退職後の生活が大変になる可能性があります。そのため家族全員が今どのような状況にあるのか、これからどうしたいのか、家族みんなのことを考えて大学進学に向けた貯金の計画を立てておく必要があります。

①子どもが何人かいる場合

たとえば子ども2人が2年続けて大学進学をする場合には、2人分の学費が1年間で合計約205万円かかることとなります。そのため2人目のことを考えてお金を準備する必要があります。

つぎに上の子が大学、下の子2人が高校・中学に、同時に入学する場合、一度に約145万円の出費が発生します(大学の入学金・授業料115万円+高校・中学の入学費用15万円×2人分)。そのためすべてのお金を支払えるよう、余裕をもってお金をためておく必要があります。

1年間にかかる学費の目安



②親の年齢が50代後半の場合

親の年齢が50代後半の場合、子どもが卒業してすぐや大学在学中に親が退職することもあると思います。その場合退職後の生活に備えて、大学進学で貯金を使い切らないようにしなければなりません。とにかく家族全員のことを考えて、早め早めに準備しておくことが大事です。

18. LẬP KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH CÙNG GIA ĐÌNH

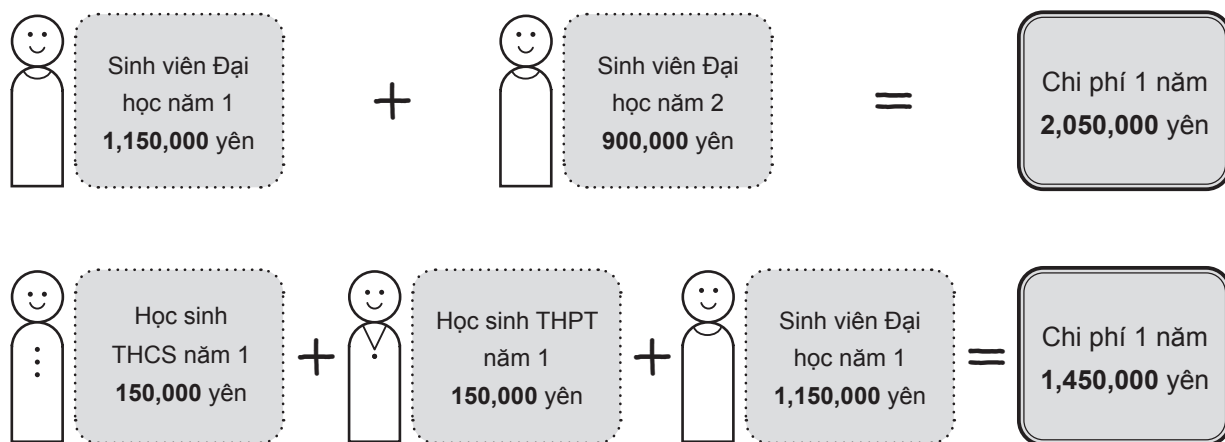
Học đại học sẽ tốn rất nhiều tiền. Vì vậy nếu gia đình chi hết tiền tiết kiệm để bạn đi học đại học, có khả năng các em của bạn sẽ khó theo học đại học, cuộc sống của bố mẹ bạn sau khi nghỉ hưu sẽ gặp khó khăn. Do đó bạn cần suy nghĩ về hoàn cảnh hiện tại và tương lai của mỗi thành viên trong gia đình để có thể lập kế hoạch tài chính nhằm để dành tiền đi học đại học.

① Trường hợp gia đình có nhiều con

Giả sử, nếu một gia đình có 2 đứa con đăng ký học đại học 2 năm liên tiếp thì tổng học phí hàng năm của 2 đứa con sẽ là khoảng 2,050,000 yên. Vì vậy gia đình cũng cần cân nhắc đến đứa con thứ 2 khi chuẩn bị tiền.

Hơn nữa, nếu đứa lớn học đại học và 2 đứa nhỏ hơn học Trung học phổ thông và Trung học cơ sở cùng lúc thì sẽ phát sinh chi phí khoảng 1,450,000 yên một lần (1,150,000 yên tiền Nhập học và Học phí Đại học + 150,000 yên tiền Nhập học THPT, THCS x 2 đứa). Vì vậy, gia đình cần phải tiết kiệm nhiều hơn mức cần thiết để có thể chi trả toàn bộ tiền học của các con.

Dự toán Học phí trong một năm



② Trường hợp cha mẹ ở độ tuổi cuối 50

Nếu cha mẹ ở độ tuổi cuối 50, họ sẽ nghỉ hưu ngay sau khi con tốt nghiệp đại học hoặc khi con vẫn còn đang học đại học. Trong trường hợp đó, cha mẹ không nên sử dụng hết số tiền tiết kiệm cho việc học đại học mà hãy chuẩn bị cho cuộc sống sau khi nghỉ hưu. Điều quan trọng là phải nghĩ đến tương lai của mỗi thành viên trong gia đình và sớm có sự chuẩn bị.

19. 奨学金と教育ローン

いきなり学費を準備することが難しい場合もあるでしょう。そのためのために学費の補助をしてくれる制度があります。それが奨学金と教育ローンです。

奨学金：子どもが借りて、卒業後に子どもが自分で返すお金。給付型と貸与型の2種類。

- ・ **給付型** お金を「もらう」奨学金。卒業後にお金を返す必要はありません。
- ・ **貸与型** お金を「借りる」奨学金。卒業後にお金を返す必要があります。

教育ローン：親が借りて、親が返すお金。国が行うものと金融機関が行うものの2種類。

奨学金	<p>にほんがくせいしえんきこう 日本学生支援機構 (JASSO) の奨学金 (⇒ 22 ページ)</p>	<p>にほん いちばんつか 日本で一番使われている奨学金。 たいよがた きゅうふがた 貸与型と給付型があります。たいよがた だれ か 貸与型は誰でも借りることができ、給付 がた せたいしゅうにゅう すく かてい たいしゅう 型は世帯収入の少ない家庭が対象です。 たいよがた へんさい そつぎょう 貸与型の返済は卒業してからです。 にゅうがくご しょうがくせん ふ こ ★入学後に奨学金が振り込まれるため、入学金の支払いに使うことは できません。</p>
	<p>けん しちょうそん 県・市町村などの奨学金</p>	<p>けいざいてき がくひ しほら 経済的に学費を支払うことが難しいなどの条件を満たした学生が対象 の奨学金です。 インターネットで調べたり、進路担当の先生に相談してみましょう。</p>
	<p>だいがく せんもんがっこうとくじ 大学・専門学校独自の奨学金</p>	<p>せいせきしゅうしゅうしゃ しゅうにゅう きゅう へ 成績優秀者や収入が急に減った生徒に対して学費の支援をする奨学金 です。がっこう 学校によっていろいろあるので、オープンキャンパスなどで確 認してみましょう。</p>
	<p>がいく 外国につながる大学生向け の奨学金 (⇒ 30 ページ)</p>	<p>がいく 外国につながる大学生を対象とした奨学金もあります。 さんこう しゃがいふくしほうじん せいかつしえん 参考：社会福祉法人さぼうと21の「生活支援プログラム」と 「坪井一郎・仁子学生支援プログラム」</p>
教育ローン	<p>くに きょういく 国の教育ローン (⇒ 31 ページ)</p>	<p>にほんせいざくきんゆうこう こ おこな 日本政策金融公庫が行っているローン制度。 ぎんこうけい きんり ひくく しゅうにゅう すく かてい りよう 銀行系より金利が低く、収入が少ない家庭でも利用できる。 ぎんこうけい しんさじかん やく か がつ ちゅう こ 銀行系より審査時間がかかる (約10日)。1～3月は申し込みが集中 するので、注意してください。</p>
	<p>ぎんこうけい きょういく 銀行系の教育ローン (⇒ 31 ページ)</p>	<p>ぎんこうけい がくひ ちくてき 銀行系の学費を目的としたローン制度。 くに おお か りよう 国より多く借りられますが、利用するための審査は厳しいようです。 か よくじつ へんさい ぼし 借りた翌日から返済が始まることが多いです。</p>

19. HỌC BỔNG VÀ KHOẢN VAY HỖ TRỢ GIÁO DỤC

Thật khó khăn khi bất ngờ phải chuẩn bị số tiền học phí. Có một chế độ hỗ trợ cho phần học phí vào những lúc như vậy. Đó chính là Học bổng và Khoản vay hỗ trợ giáo dục.

HỌC BỔNG: Là số tiền sinh viên vay và sẽ tự trả sau khi tốt nghiệp. Có 2 loại là **trợ cấp và cho vay**.

Loại trợ cấp: Là học bổng “cấp tiền” cho sinh viên. Sau khi tốt nghiệp không cần trả lại.

Loại cho vay: Là học bổng cho sinh viên “vay tiền”. Sau khi tốt nghiệp cần phải trả lại.

KHOẢN VAY HỖ TRỢ GIÁO DỤC: Là số tiền Phụ huynh vay và sau này Phụ huynh sẽ trả. Có 2 loại : tiền vay từ Chính phủ và từ các Tổ chức tín dụng.

Học bổng	Học bổng của Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO) (⇒ Trang 22)	Là học bổng phổ biến nhất tại Nhật. Có loại Cho vay và Cấp miễn phí. Loại Cho vay thì ai cũng có thể vay được, còn loại Cấp miễn phí chỉ dành cho đối tượng thuộc gia đình thu nhập thấp. Thời gian hoàn trả học bổng Cho vay là sau khi tốt nghiệp. ★ Học bổng sẽ được chuyển khoản sau khi nhập học, vì vậy không thể sử dụng học bổng này để đóng tiền Nhập học.
	Học bổng của Tỉnh, Thành phố, Địa phương	Là học bổng dành cho đối tượng là sinh viên đáp ứng các điều kiện chẳng hạn như khó khăn về tài chính trong việc đóng tiền học. Hãy tìm hiểu trên Internet hoặc trao đổi với giáo viên phụ trách hướng dẫn việc tiếp tục học lên.
	Học bổng riêng của trường Đại học, Trường chuyên môn	Là học bổng hỗ trợ phần học phí dành cho sinh viên có thành tích xuất sắc hoặc sinh viên bị giảm thu nhập đột ngột. Học bổng này có nhiều loại khác nhau tùy theo trường, hãy xác nhận khi tham gia Open Campus.
	Học bổng dành cho sinh viên có yếu tố nước ngoài (⇒ Trang 30)	Cũng có loại học bổng dành cho đối tượng là sinh viên Đại học có yếu tố nước ngoài. Tham khảo: “Chương trình hỗ trợ cuộc sống” và “Chương trình hỗ trợ sinh viên Tsuboi Ichiro & Jinko” của Quỹ phúc lợi xã hội Support 21
Khoản vay hỗ trợ giáo dục	Khoản vay hỗ trợ giáo dục của Chính phủ (⇒ Trang 31)	Là chương trình cho vay được thực hiện bởi Tập đoàn Tài chính Nhật Bản. So với ngân hàng thì lãi suất thấp hơn, gia đình thu nhập thấp đều có thể vay được. Thời gian thẩm định lâu hơn ngân hàng (khoảng 10 ngày). Thời điểm có lượng đăng ký vay nhiều nhất tập trung từ tháng 1 đến tháng 3, hãy lưu ý điều này.
	Khoản vay hỗ trợ giáo dục của Ngân hàng (⇒ Trang 31)	Là chương trình cho vay của ngân hàng với mục đích hỗ trợ học phí. Có thể vay số tiền nhiều hơn so với khoản vay từ Chính phủ, nhưng có vẻ quy trình thẩm định để được cho vay rất khó. Việc trả nợ thường bắt đầu vào ngày hôm sau tính từ ngày được vay tiền.

20. 日本学生支援機構 (JASSO)

日本で一番使われている奨学金です。JASSOの奨学金には、貸与型と給付型があります。原則として日本国籍を持つ者が対象ですが、在留資格によっては受給できる場合もあります。受給資格については早めに高校に相談してください。

大学入学後だけでなく、入学前に申し込むこともできますので、高校3年生に進学したらすぐに、高校に申込時期を確認してください。ただし入学前に受給が決定しても、入学後に奨学金が振り込まれるようになるため、これを入学金の支払いに使うことはできません。

貸与型 … 借りる奨学金

対象) 誰でも申し込むことができます。

金額) 学校の種類や家から通うか/それ以外かで選べる値段がちがいます。

- ・第1種…奨学金に利子がありません。
- ・第2種…奨学金に利子がつきます。

★第1種と第2種のどちらかになるかは経済状況や高校での成績が関係します。

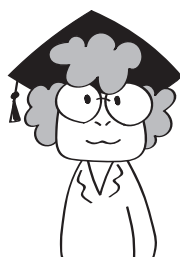
給付型 … もらえる奨学金

対象) 世帯の収入が少ない家庭。

金額) 世帯の収入によって決まります。

★給付型奨学金の対象となれば、授業料・入学金も免除(なくなる)、または減額(安くなる)されます。

奨学金の制度は難しいのですべてはここに書けません。学校の種類や世帯の収入(家族全員の収入)だけでなく、学校の成績や、どんな家族メンバーなのかによって金額が変わったりもします。詳しいことはJASSOのホームページから確認してください。シュミレーターや図で自分が対象かどうかを確認しやすくなっています!



大学生の約3人に1人はこの奨学金を使って進学しています。お金のことは相談しにくいかもしれませんが、早めに相談したほうが、解決策を見つけやすいですし、心配もやわらぎます。「奨学金、気になるけど、よくわからない…」と思ったら、高校の先生、進路の先生に話してみましよう。

20. TỔ CHỨC HỖ TRỢ SINH VIÊN NHẬT BẢN (JASSO)

Đây là loại học bổng phổ biến nhất ở Nhật Bản, 2 loại học bổng JASSO: loại cho vay và loại trợ cấp. Về nguyên tắc, chỉ những người có quốc tịch Nhật Bản mới là đối tượng của học bổng này, tuy nhiên một số tư cách lưu trú cho phép sinh viên nhận được học bổng này. Hãy tư vấn sớm với trường Trung học phổ thông về tư cách có khả năng được nhận học bổng này.

Không chỉ sau khi nhập học đại học mà bạn có thể nộp đơn xin học bổng này trước khi vào đại học, vì vậy vào năm 3 Trung học phổ thông, ngay sau khi quyết định tiếp tục học lên cao thì bạn nên xác nhận với nhà trường thời điểm đăng ký nhận học bổng này. Tuy nhiên, ngay cả khi bạn được thông báo đủ điều kiện nhận học bổng trước khi nhập học đại học thì tiền học bổng này chỉ được chuyển khoản sau khi bạn vào Đại học, vì vậy không thể sử dụng học bổng này để đóng Tiền nhập học.

Loại cho vay ... Học bổng theo hình thức cho vay

Đối tượng Ai cũng có thể đăng ký vay.

Số tiền Số tiền khác nhau tùy theo loại trường học và việc bạn có đi học từ nhà hay không.

- Loại 1...Không lãi suất.
- Loại 2...Kèm lãi suất.

★ Được vay Loại 1 hay Loại 2 còn tùy thuộc tình hình tài chính và thành tích học tập bậc Trung học phổ thông.

Loại trợ cấp ... Học bổng theo hình thức cấp miễn phí

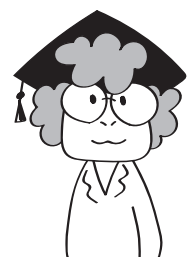
Đối tượng Gia đình thu nhập thấp.

Số tiền Được quyết định tùy theo thu nhập của gia đình.

★ Nếu trở thành đối tượng được nhận học bổng loại trợ cấp thì tiền nhập học và học phí sẽ được miễn hoặc giảm.

Chế độ học bổng rất phức tạp nên khó có thể đề cập hết ở đây. Số tiền có thể thay đổi không chỉ tùy thuộc vào loại hình trường học và thu nhập hộ gia đình (thu nhập của tất cả các thành viên trong gia đình), mà còn phụ thuộc vào thành tích học tập của bạn và tình trạng thành viên trong gia đình. Để biết thêm thông tin, vui lòng kiểm tra trang web của JASSO. Thông qua các bảng mô phỏng và minh họa bạn sẽ dễ dàng xác nhận được liệu mình có đủ điều kiện trở thành đối tượng hay không!

Khoảng 3 sinh viên Đại học thì có 1 người sử dụng học bổng này để tiếp tục theo học. Tư vấn về vấn đề tiền bạc có thể khó nói ra, nhưng nếu tư vấn sớm thì dễ tìm ra phương án giải quyết, lo lắng cũng giảm nhẹ một phần. Nếu bạn có suy nghĩ "Tôi quan tâm đến vấn đề học bổng, nhưng lại không rõ lắm,..." thì hãy thử nói với giáo viên ở trường THPT, giáo viên hướng dẫn việc tiếp tục học lên cao hơn.



21. 先輩と保護者の体験談

◎先輩の話

ユウスケさん（ブラジルつながり／日本生まれ）

日産横浜自動車大学校 2020年入学（入試方法：A0入試）

◆学校と学部を選んだ理由：

私は昔から車が好きで、将来車に携わる仕事につきたいと思ったため、特に、日産の自動車が好きだったため、この学校を選びました。メーカー校ということもあり、カリキュラムと学校整備環境も整っており、国家二級整備士や日産の販社や本社に入ったときに役立つ日産の資格も取れるということも選んだ理由です。

◆受験で苦労したこと：

A0入試でしたので、特に大変だったのは、色々な整備系の学校がある中で他とはちがう点を見つけ願書にまとめることでした。やはり面接と書類のみと言うだけあって願書はとても大事でした。オープンキャンパスには5つほど行き、そこのちがいをまとめることで他の人との差を少しでも伸ばせたのかと思います。

◆学校・学部選びのアドバイス：

専門学校は、将来仕事をするための資格を取ることを目的とした勉強をするところです。自分が本当にやりたいか、そして何が大切かをしっかり考えた上で選ぶことが大事だと思います。

ギンさん（中国出身／2015年来日）

神奈川大学 理学部 2019年入学（入試方法：外国高等学校在学経験者入試）

◆大学と学部を選んだ理由：

自分の実力を考えた上で、いくつかの大学を見学しました。最後に自分の望む学習環境をもつ神奈川大学と自分にとって得意な理学部を選びました。大学の先輩たちとの交流会を行い、さらに他の学生と一緒にグループになって討論しました。最後に先輩たちが、自分たちの経験として、大学に入るとどのような大学生活に直面するかを話してくれました。これは私に深い印象を残しました。

◆受験で苦労したこと：

生物科学科の試験に対して、高校で学んだ知識はまだまだ足りません。空いた時間に生物学の知識を多く補充する必要がありました。範囲が広いので、前年度出題された試験問題を比較してテーマを判断してやりました。たくさんの生物の解説書も読み、合格することができました。

◆学校・学部選びのアドバイス：

まず、何が得意ですか？ 興味や卒業後の就職の方向は何ですか？ 次に、自分の学力がどの大学の基準に達していますか？ もしこれらに対して迷いがあったり、特に興味がなかったりする場合は、毎回の試験成績を見て自分の得意な科目を見つけます。これも一つの選び方だと思います。

21. KINH NGHIỆM TỪ SINH VIÊN ĐI TRƯỚC VÀ PHỤ HUYNH

◎ CHIA SẺ CỦA SINH VIÊN ĐI TRƯỚC

Yusuke (Gốc Brazil / Sinh tại Nhật Bản)
Trường Cao đẳng Kỹ thuật Ô tô Nissan Yokohama
Nhập học năm 2020 (Hình thức thi: AO)

◆ Lý do chọn trường và khoa:

Tôi chọn trường này vì tôi luôn yêu thích ô tô và muốn làm việc về ô tô trong tương lai. Đặc biệt là xe Nissan. Tôi chọn trường này một phần vì đây là trường trực thuộc hãng sản xuất, chương trình học và môi trường trang thiết bị của trường rất tốt, tôi có thể đạt được Chứng chỉ Kỹ thuật viên cơ khí quốc gia cấp độ 2 và các chứng chỉ khác của Nissan, điều này sẽ hữu ích khi tôi xin vào làm việc tại các đại lý bán hàng hoặc trụ sở chính của Nissan.

◆ Khó khăn khi dự thi:

Vì là kỳ thi AO nên phần khó khăn nhất là tìm ra điều gì khiến trường này khác biệt với các trường liên quan đến bảo dưỡng khác để tóm tắt lại trong Đơn đăng ký. Đơn đăng ký rất quan trọng vì chỉ yêu cầu phỏng vấn và hồ sơ liên quan. Tôi đã đi Open Campus của khoảng 5 trường, và bằng cách tóm tắt sự khác biệt giữa các trường, tôi nghĩ rằng tôi đã có một chút sự khác biệt so với những thí sinh khác.

◆ Lời khuyên khi chọn trường và khoa:

Trường chuyên môn là nơi bạn theo học với mục đích đạt được bằng cấp để làm việc trong tương lai. Tôi nghĩ điều quan trọng là phải suy nghĩ cẩn thận về những gì bạn thực sự muốn làm và điều quan trọng đối với bạn là gì trước khi đưa ra lựa chọn.

Jin (Trung Quốc / Đến Nhật Bản vào năm 2015)
Khoa Tự nhiên, Đại học Kanagawa Nhập học năm 2019
(Hình thức thi: Kỳ thi dành cho học sinh đã học Trung học phổ thông ở nước ngoài)

◆ Lý do chọn trường và khoa:

Sau khi xem xét khả năng của mình, tôi đã đi tham quan một số trường đại học. Cuối cùng tôi đã chọn Đại học Kanagawa, nơi có môi trường học tập mà tôi mong muốn và tôi đã chọn Khoa Tự nhiên mà tôi có năng khiếu. Chúng tôi đã có một buổi giao lưu với các anh chị sinh viên trong trường đại học, và cũng đã chia nhóm để thảo luận với các thí sinh khác. Vào cuối buổi giao lưu, các tiền bối đã kể về những trải nghiệm của bản thân và những gì phải đối mặt trong cuộc sống sinh viên đại học. Điều này để lại ấn tượng sâu sắc trong tôi.

◆ Khó khăn khi dự thi:

Kiến thức tôi có được ở trường Trung học phổ thông vẫn chưa đủ để chuẩn bị cho tôi dự thi vào Khoa Sinh vật học. Tôi cần bổ sung nhiều kiến thức sinh học trong thời gian rảnh rỗi. Vì phạm vi đề thi rộng nên tôi so sánh câu hỏi của đề thi các năm trước để xác định chủ đề. Tôi cũng đọc rất nhiều sách về sinh vật và đã thi đậu.

◆ Lời khuyên khi chọn trường và khoa:

Trước hết, bạn có năng khiếu môn gì? Sở thích của bạn và phương hướng làm việc của bạn sau khi tốt nghiệp là gì? Tiếp theo, học lực của bạn đạt tiêu chuẩn của trường đại học nào? Nếu bạn là không chắc chắn về những điều này hoặc nếu bạn không đặc biệt quan tâm đến bất kỳ điều nào trong số đó, bạn có thể xem điểm mỗi lần kiểm tra của bạn và tìm ra những môn học bạn giỏi. Tôi nghĩ đây là một cách để chọn trường và khoa.

先輩と保護者の体験談

マイリンさん（ブラジルつながり／日本生まれ）
神奈川県 国際経営学部 2020年入学（入試方法：一般入試）

◆大学と学部を選んだ理由：

私は高校生の時から留学に行きたいと思っていたので、大学を選ぶ時に留学に力を入れているかどうかを重視して選びました。そこで、学部専門の留学があると知り、1年間別の大学で勉強ができると知ったので国際経営学部になりました。

◆受験で苦労したこと：

私は一般入試だったので、高校2年生の後半から少しずつ勉強を始めていきました。初めから文系私立大学を受けると決めていたので、必要な英語、国語、社会の3科目を勉強しなければいけません。学校では終わっていない範囲も自分で勉強して、夏休みや、冬休みは遊ぶ余裕はなく、塾の自習室に毎日行って自習をするのが本当に辛かったです。

◆学校・学部選びのアドバイス：

一般入試の場合は学校を好きなだけ受けることができます。私は志望度の高い大学にはオープンキャンパスに行き、雰囲気や試験の傾向をたくさん調べるようにしました。学校によって試験傾向がちがったり思っているのはちがう雰囲気だったりするので、自分で見て確かめるのは大事です。もう一つは自分のやりたいことや、その学部に入った後やりたいことがなくても、その先に興味があることがあるかを重視して学部を選ぶのも大事だと感じました。

テイさん（中国出身／2015年来日）
東京都 経営学部 2019年入学（入試方法：公募推薦）

◆大学と学部を選んだ理由：

高校時代に数学が得意だったので、理系に進み、数学をツールとして経済学を学んでいくことが自分に合った方法だと考えています。数学的、実証的な数値を用いて経済学の課題に取り組んでいる理科大のビジネスエコノミクス学科に魅力を感じましたので、この大学を志望しました。

◆受験で苦労したこと：

公募推薦なので、レポートや願書などを作成しなければなりません。それを完璧になるまで添削することが最も苦労したと感じたことです。また、この大学では公募推薦にも筆記試験が必要とされていますが、過去問もなかったため、それへの対策が大変でした。

◆学校・学部選びのアドバイス：

自分の進路、やりたいことに關してじっくり考えることが大切ですが、自分の考えに縛られて視野が狭くなってはいけません。様々な職業の情報を収集し、興味のあることを試し、よく吟味して自分に合う道を選びましょう。また、大学のオープンキャンパスに参加すると、その大学の雰囲気を実感することができます。

KINH NGHIỆM TỪ SINH VIÊN ĐI TRƯỚC VÀ PHỤ HUYNH

Mailyn (Brazil / Sinh tại Nhật Bản)

Khoa Kinh doanh Quốc tế, Đại học Kanagawa Nhập học năm 2020 (Hình thức dự thi: Kỳ thi chung)

◆ Lý do chọn trường và khoa:

Tôi đã muốn đi du học từ khi còn học Trung học phổ thông nên khi chọn trường đại học, tôi rất xem trọng liệu trường có hỗ trợ du học hay không. Sau đó tôi được biết có một chương trình du học chuyên môn cho khoa và tôi có thể học ở một trường đại học khác trong một năm, vì vậy tôi đã chọn Khoa Kinh doanh Quốc tế.

◆ Khó khăn khi dự thi:

Tôi đã tham gia Kỳ thi tuyển sinh chung nên tôi bắt đầu học từng chút một vào nửa cuối của năm 2 Trung học phổ thông. Ban đầu tôi quyết định thi vào Khối Nhân văn trường Đại học tư nên tôi phải học 3 môn cần thiết là tiếng Anh, Quốc ngữ và Xã hội. Những phạm vi chưa học xong ở trường thì tôi tự học, kỳ nghỉ hè và nghỉ đông tôi không đi chơi mà hàng ngày đi đến phòng tự học của trường luyện thi để học, thời gian đó thực sự rất vất vả.

◆ Lời khuyên khi chọn trường và khoa:

Đối với Kỳ thi tuyển sinh chung, bạn có thể thi bao nhiêu trường tùy thích. Tôi đã đi Open Campus của các trường đại học mà tôi quan tâm nhất và cố gắng tìm hiểu thật nhiều bầu không khí của trường cũng như xu hướng thi. Tùy theo trường mà có xu hướng thi khác nhau và bầu không khí khác với những gì bạn mong đợi, vì vậy điều quan trọng là bạn phải tự mình kiểm tra. Một điều nữa là tôi cảm thấy rằng điều quan trọng là phải chọn Khoa bằng cách tập trung vào những gì bạn muốn làm hoặc những gì bạn quan tâm làm ngay cả khi chưa biết muốn làm gì nhập học.

Cheng (Trung Quốc / Đến Nhật năm 2015)

Khoa Kinh doanh, Đại học Khoa học Tokyo Nhập học năm 2019

(Hình thức dự thi: Xét tuyển tiến cử theo Hệ thống mở)

◆ Lý do chọn trường và khoa:

Vì tôi giỏi toán từ thời Trung học phổ thông nên tôi nghĩ rằng việc đi theo Khối Tự nhiên, lấy toán làm nền tảng để theo học kinh tế sẽ là con đường phù hợp với tôi. Tôi bị thu hút bởi Khoa Kinh tế Kinh doanh của Đại học Khoa học Tokyo, nơi sử dụng toán học và số liệu thực nghiệm để giải quyết các vấn đề trong kinh tế nên tôi đã nộp đơn vào trường đại học này.

◆ Khó khăn khi dự thi:

Vì chọn hình thức Xét tuyển tiến cử theo Hệ thống mở nên tôi phải chuẩn bị báo cáo và Đơn đăng ký. Chỉnh sửa hồ sơ cho đến khi hoàn hảo là điều tôi thấy khó khăn nhất. Ngoài ra, trường đại học này yêu cầu một Kỳ thi viết đối với Xét tuyển tiến cử theo Hệ thống mở, điều chưa từng có trước đây nên tôi cũng khá vất vả để chuẩn bị cho kỳ thi này.

◆ Lời khuyên khi chọn trường và khoa:

Điều quan trọng là phải xem xét kỹ lưỡng về việc tiếp tục học lên cao và những gì bạn muốn làm, nhưng đừng bị ràng buộc bởi những suy nghĩ của bản thân khiến tầm nhìn bị thu hẹp. Thu thập thông tin về các ngành nghề khác nhau, hãy thử những điều bạn quan tâm, xem xét chúng một cách cẩn thận và chọn con đường phù hợp nhất với bạn. Ngoài ra, hãy tham dự Open Campus của trường đại học để cảm nhận bầu không khí của đại học đó.

先輩と保護者の体験談

アレックスさん (中国出身 / 2015 年来日)

中央大学 経済学部 2019 年入学 (入試方法: 一般入試)

◆大学と学部を選んだ理由:

大学受験時は元々国立大を希望していましたが、受験がうまくいかずに滑り止めの大学に進学することになりました。経済学部を選んだ理由としては、社会の経済活動は、それを営む主体的な個人に及ぼす影響について関心があったからです。

◆受験で苦労したこと:

当初は通常の私立大学よりも多くの受験科目が課される国立大を希望していましたので、そのために受験勉強の時間配分に苦労していました。また、1ヶ月以上も続く受験期における体調と精神状態の管理も大変でした。

◆学校・学部選びのアドバイス:

学校・学部選びは自分自身と向き合い、本当に興味を持つものを見つける過程です。いろんな人、物と出会い、触れあいつつ、そして最も重要なのは何か悩み事や困った事があるときは、遠慮なく周りにいる人々と相談しあいながら、考えていきましょう。

クリスティさん (ブラジルつながり / 日本生まれ)

上智大学 文学部 2019 年入学 (入試方法: 公募推薦)

◆大学と学部を選んだ理由:

留学制度がどこの私立大学よりも充実しており、留学生も多くいることから外国語を学ぶ環境が恵まれているため、上智大学に行きたいと思いました。私はもともととても戦時中のドイツの政治に興味がありました。また、日本語、英語、ポルトガル語以外にもう一つ言語を習得したいと思っていましたため、ドイツの歴史もドイツ語も学べる学科であるドイツ文学科を選びました。

◆受験で苦労したこと:

私は公募推薦で上智大学に進みましたが、高校1年生の時から全科目で好成绩を取る必要があったことに苦労しました。私の学校では国数英理社のほかに情報、家庭科、美術、聖書の授業があったのでテストが本当に大変でした。高校3年生になっても受験に使う文系科目(国社英)以外の科目も毎回予習復習を欠かさず行う必要があったため、受験勉強と学校のテスト勉強、さらに公募推薦の対策の勉強を全て両立するために毎日時間配分を考えなくてはならず、寝る時間も少なくなることも多かったためメンタル的にも体力的にも辛かったです。

◆学校・学部選びのアドバイス:

高校生の時点で自分の学びたい分野があることは、受験のモチベーションにも大変効果的です。日頃から「自分がどんな大学に行ってどんな人生を歩みたいのか?」を考えることは大切だと思います。大きすぎる夢であるため周りから否定されるようなことであっても、折れずに努力することが大切です。私自身高校受験に失敗して、公立高校や難関私立高校に合格した人たちから「上智は厳しいんじゃないか?」と言われ続けていましたが、自分を信じ続けて受験に臨みました。

KINH NGHIỆM TỪ SINH VIÊN ĐI TRƯỚC VÀ PHỤ HUYNH

Alex (Trung Quốc / Đến Nhật năm 2015)

Khoa Kinh tế, Đại học Chuo Nhập học năm 2019 (Hình thức dự thi: Kỳ thi chung)

◆ Lý do chọn trường và khoa:

Khi nộp đơn vào đại học, ban đầu tôi muốn vào trường Đại học Quốc lập hoặc Đại học Công lập, nhưng kỳ thi của tôi không suôn sẻ và tôi phải vào một trường đại học thấp hơn. Sở dĩ tôi chọn Khoa kinh tế là vì tôi quan tâm đến những tác động mà các hoạt động kinh tế trong xã hội ảnh hưởng như thế nào đến cá nhân chủ thể vận hành các hoạt động kinh tế đó.

◆ Khó khăn khi dự thi:

Ban đầu, tôi muốn học ở một trường Đại học Quốc lập hoặc Đại học Công lập, nơi yêu cầu thi nhiều môn hơn so với trường Đại học tư thông thường nên tôi gặp khó khăn trong việc phân bổ thời gian để ôn thi. Ngoài ra, tôi cũng gặp khó khăn trong việc kiểm soát tình trạng thể chất và tinh thần trong thời kỳ thi đại học kéo dài hơn một tháng.

◆ Lời khuyên khi chọn trường và khoa:

Chọn trường và Khoa là một quá trình đối mặt với chính mình và tìm ra điều mình thực sự quan tâm. Gặp gỡ và tương tác với nhiều người và nhiều thứ, và quan trọng nhất là nếu bạn có bất kỳ lo lắng hay phiền muộn nào, đừng ngần ngại thảo luận với những người xung quanh bạn.

Krystie (Brazil / Sinh tại Nhật Bản)

Khoa Văn học, Đại học Sophia Nhập học năm 2019 (Hình thức dự thi: Xét tuyển tiến cử theo Hệ thống mở)

◆ Lý do chọn trường và khoa:

Tôi muốn vào Đại học Sophia vì chế độ du học của trường toàn diện hơn bất kỳ trường Đại học tư thục nào khác và có môi trường học ngoại ngữ thuận lợi vì có nhiều sinh viên quốc tế. Vốn dĩ tôi rất quan tâm đến chính trị của Đức trong thời kỳ chiến tranh. Tôi cũng muốn học một ngôn ngữ khác ngoài tiếng Nhật, tiếng Anh và tiếng Bồ Đào Nha nên tôi đã chọn Khoa Văn học Đức, nơi tôi có thể học cả lịch sử Đức và tiếng Đức.

◆ Khó khăn khi dự thi:

Tôi theo học tại Đại học Sophia thông qua hình thức Xét tuyển tiến cử theo Hệ thống mở, nhưng tôi rất vất vả để đạt điểm cao trong tất cả các môn học từ năm 1 ở trường Trung học phổ thông. Trường của tôi ngoài môn Quốc ngữ, Toán, tiếng Anh, Tự nhiên và Xã hội, còn có môn Thông tin, Đời sống, Mỹ thuật, và các giờ học Kinh Thánh nên các bài kiểm tra thực sự rất vất vả. Khi lên năm 3 Trung học phổ thông, ngoài môn học liên quan Khó Nhân văn (Quốc ngữ, Xã hội, tiếng Anh) là những môn phải thi đại học, tôi cần phải ôn tập cả những môn khác nữa, vì vậy tôi đã phải suy nghĩ làm thế nào để phân bổ thời gian mỗi ngày để cân bằng giữa việc luyện thi đại học và ôn thi trong trường Trung học phổ thông, bên cạnh đó còn phải chuẩn bị hồ sơ cho Xét tuyển tiến cử theo Hệ thống mở, tôi cũng thường xuyên không đủ thời gian để ngủ và đó là khó khăn về mặt tinh thần cũng như thể chất đối với tôi.

◆ Lời khuyên khi chọn trường và khoa:

Có một lĩnh vực học tập mà bạn muốn theo đuổi khi còn là học sinh Trung học phổ thông sẽ rất hiệu quả trong việc tạo động lực cho bản thân tham gia kỳ thi tuyển sinh đại học. Tôi nghĩ điều quan trọng là hàng ngày phải suy nghĩ về việc "Mình muốn vào trường đại học nào và muốn đi theo con đường nào trong cuộc sống?". Ngay cả khi ước mơ to lớn của bạn bị những người xung quanh phủ nhận, điều quan trọng là bạn không được từ bỏ giữa chừng mà phải tiếp tục cố gắng. Bản thân tôi đã thi trượt kỳ thi Trung học phổ thông và liên tục bị những người đã thi đỗ các trường Trung học phổ thông công lập và trường Trung học phổ thông tư lập nổi tiếng khó vào nói rằng "Sophia liệu có quá sức của bạn không?", nhưng tôi vẫn luôn tin tưởng vào bản thân và hướng thẳng đến kỳ thi tuyển sinh.

先輩と保護者の体験談

マリアさん（フィリピンつながり／日本生まれ）

東洋大学 国際地域学部〈イブニングコース〉 2015年入学（入試方法：公募推薦）

◆大学と学部を選んだ理由：

イブニングコースを選んだ理由は昼間働きながら夜大学に通えるからです。私はコミュニティ開発や海外について興味があり、留学や研修のプログラムもたくさんあるので、東洋大学を選びました。

◆学費・奨学金：

学費は自分で払っています（アルバイトは週4回ほど）。受けている奨学金は、日本学生支援機構の第1種です。奨学金の書類等はなるべく早く集めたほうがよく、奨学金を借りる理由もしっかり伝えたいです。

◆学校・学部選びのアドバイス：

学部を選ぶときは大学でやりたいこと、将来どんな自分になりたいかを想像して選択することをお勧めします。大学は高校とはちがいで、学業をサポートしてくれる人はいません。興味がない学部を選択し、途中でやる気をなくす人たちがたくさんいます。大学では自分のために好きなことを勉強してください。

オマーンさん（ネパール出身／2009年来日）

神奈川大学 外国語学部 2013年入学（入試方法：公募推薦）

◆大学と学部を選んだ理由：

この大学を選んだ理由は、英語を生かして将来、外国と関わる仕事をしたいと思っているからです。学部を選んだ理由は、もともとアメリカやイギリスの歴史に興味があったので、大学でもっと詳しく勉強するためです。

◆学費・奨学金：

私のビザは家族滞在ですが、日本学生支援機構の奨学金は、家族滞在の外国人の学生は対象外だったので、お金のことで苦労しました。

◆将来の夢：

起業してグローバルビジネスをすることです。

KINH NGHIỆM TỪ SINH VIÊN ĐI TRƯỚC VÀ PHỤ HUYNH

Maria (Philippines / Sinh tại Nhật Bản)

Khoa Nghiên cứu khu vực và Quốc tế (Hệ buổi tối), Đại học Toyo Nhập học năm 2015
(Hình thức dự thi: Xét tuyển tiến cử theo Hệ thống mở)

◆ Lý do chọn trường và khoa:

Lý do tôi chọn Hệ buổi tối là vì tôi có thể vừa đi làm ban ngày vừa học đại học. Tôi quan tâm đến việc phát triển cộng đồng và ở nước ngoài, và họ có nhiều chương trình du học và thực tập nên tôi đã chọn trường Đại học Toyo.

◆ Học phí, học bổng:

Tôi tự trả học phí (tôi làm việc bán thời gian khoảng 4 lần một tuần). Tôi được nhận học bổng Loại 1 từ JASSO. Bạn nên chuẩn bị những giấy tờ cần thiết để xin học bổng càng sớm càng tốt và trình bày lý do tại sao bạn cần học bổng.

◆ Lời khuyên khi chọn trường và khoa:

Khi bạn chọn khoa, tôi khuyên bạn nên tưởng tượng về những gì bạn muốn làm trong trường, bản thân muốn làm gì trong tương lai. Không giống như trường Trung học phổ thông, cho dù bạn có sao nhãng việc học cũng sẽ không có ai nhắc nhở bạn. Có nhiều sinh viên đã chọn khoa mà họ không thực sự quan tâm và cuối cùng mất đi động lực học tập. Ở trường đại học, hãy học những gì bạn thích vì lợi ích của mình.

Oman (Nepal / Đến Nhật năm 2009)

Khoa Ngoại ngữ, Đại học Kanagawa Nhập học năm 2013
(Hình thức dự thi: Xét tuyển tiến cử theo Hệ thống mở)

◆ Lý do chọn trường và khoa:

Tôi chọn trường đại học này vì trong tương lai tôi muốn làm một công việc có liên quan đến nước ngoài và vận dụng kỹ năng tiếng Anh của mình. Lý do tôi chọn khoa này là vì ban đầu tôi quan tâm đến lịch sử nước Mỹ và nước Anh và tôi muốn nghiên cứu sâu hơn khi theo học đại học.

◆ Học phí, học bổng:

Vì có Visa phụ thuộc gia đình nên tôi không phải là đối tượng được nhận học bổng từ Tổ chức Hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO), vì vậy tôi đã gặp khó khăn về mặt tài chính.

◆ Ước mơ tương lai:

Khởi nghiệp và bắt đầu công việc kinh doanh mang tính toàn cầu.

ほごしゃ はなし
◎保護者の話

ミチエさん (ブラジル出身 / 1990 年来日)

◆子どもの勉強で大変だったこと：

日本の大学入試システムや「願書」や「志望校」などの言葉も知りませんでした。子どもが高校1年のときから毎年外国人のための大学進学ガイダンスに参加し、わからないことは日本人の知り合いに聞きながら、ようやく理解できるようになりました。

◆受験生を持つ保護者へのアドバイス：

子どもが保育園のうちから日本人のママ友を持つことが大切です。ママ友たちから教育や受験のことをいろいろと教わりました。また、大学入学のためのお金の準備は受験直前になってからでは間に合いません。下にきょうだいがいる場合はもっと大変です。計画的に貯金するようにしましょう。

シュンセツさん (中国出身 / 2001 年来日)

◆子どもの勉強で大変だったこと：

子どもが自分のレベルにあった大学を受験できるようにすることが一番いいと思いますが、日本の大学についての情報があまりなかったので、学校選びをサポートするのが難しかったです。また、受験の時期を迎えた子は精神的にも大変な状態なので、なるべくストレスを与えないように気をつけました。

◆受験生を持つ保護者へのアドバイス：

大学のオープンキャンパスには、子どもだけを行かせるのではなく、一回でもいいので親も一緒に行ったほうがいいと思います。大学の雰囲気もわかりますし、疑問に思うことを質問したり、学費についての情報を得たりすることもできるのでとてもためになりました。

KINH NGHIỆM TỪ SINH VIÊN ĐI TRƯỚC VÀ PHỤ HUYNH

© CHIA SẺ CỦA PHỤ HUYNH

Michie (Brazil / Đến Nhật năm 1990)

◆ Những khó khăn trong học tập của con:

Tôi không biết gì về hệ thống thi tuyển sinh đại học ở Nhật Bản và những từ như “Gansho (Đơn đăng ký)” hoặc “Shibou-kou (Trường nguyện vọng)”, tuy nhiên khi con tôi lên năm 1 Trung học phổ thông, hàng năm tôi đều tham gia Buổi hướng dẫn tuyển sinh đại học dành cho người nước ngoài, những gì chưa biết thì tôi hỏi những người bạn Nhật Bản của tôi và cuối cùng thì tôi cũng hiểu được.

◆ Lời khuyên dành cho phụ huynh có con đang chuẩn bị thi đại học:

Điều quan trọng là cần có bạn bè là những bà mẹ người Nhật kể từ khi con bạn đi học nhà trẻ. Các bà mẹ đó sẽ chỉ cho bạn biết rất nhiều kiến thức về giáo dục và các kỳ thi tuyển sinh đại học. Hơn nữa, đợi đến khi con luyện thi mới bắt đầu chuẩn bị tiền cho con đi học đại học thì sẽ không kịp. Nếu bạn có những đứa con nhỏ hơn thì sẽ khó khăn hơn. Hãy cố gắng lập kế hoạch tiết kiệm tiền.

Shunsetsu (Trung Quốc / Đến Nhật năm 2001)

◆ Những khó khăn trong học tập của con:

Tôi nghĩ tốt nhất là để con dự thi vào trường đại học phù hợp với trình độ học vấn của con, nhưng tôi lại không có nhiều thông tin về các trường đại học Nhật Bản nên rất vất vả trong việc giúp con chọn trường. Ngoài ra, trong giai đoạn chuẩn bị cho kỳ thi thì con luôn ở trong trạng thái mệt mỏi về tinh thần, vì vậy tôi luôn để ý không gây thêm căng thẳng cho con.

◆ Lời khuyên dành cho phụ huynh có con đang chuẩn bị thi đại học:

Tôi nghĩ phụ huynh không nên để con đi Open Campus của trường đó một mình mà nên đi cùng con tối thiểu là 1 lần. Điều này thật sự giúp ích vì tôi có thể cảm nhận được bầu không khí của trường đại học, đặt câu hỏi về bất cứ điều gì và nhận được nhiều thông tin liên quan đến học phí.



だいがく がくぶ
大学の学部

	がくぶめい 学部名	ないよう 内容	そつぎょうご 卒業後の仕事(例)
文 系	ぶんがく 文学	ぶんがく とお にんげん にんげんしゃかい まな 文学を通して、人間と人間社会について学ぶ	マスメディア、一般企業など
	がいこくごがく 外国語学	がいこく げんご ぶんか まな 外国の言語と文化を学ぶ	旅行会社、商社など
	ほうがく 法学	ほう ほうりつ まな 法や法律について学ぶ	弁護士、行政書士など
	けいざいがく 経済学	かね にんげん しゃかい かんけい まな お金と人間、社会との関係を学ぶ	商社、銀行、一般企業など
	しゃかいがく 社会学	にんげん い しゃかい まな 人間の生きる社会について学ぶ	マスメディア、一般企業など
理 系	りがく 理学	しぜんかい まな 自然界について学ぶ	メーカーなど
	こうがく 工学	ものをつく ひと ひと ぎじゅつ かいほう ものを作ったり、人のためになる技術を開発	製造業、建設業など
	いがく 医学	いし ちしき ぎじゅつ え 医師となるための知識・技術を得る	医師など
	のうがく 農学	のうぎょう しょくりょう かんきょう ひろ まな 農業・食料・環境について広く学ぶ	食品系企業など
	やくがく 薬学	くすり ちしき え くすり か のうせい まな 薬の知識を得て、薬の可能性を学ぶ	薬剤師など
	かんごがく 看護学	びょうき よぼう けんこう まな 病気の予防と健康について学ぶ	看護師など
そ の 他	きょういくがく 教育学	きょういく かた かんが 教育のあり方を考える	教員など
	しゃかいふくしがく 社会福祉学	あんしん く らせる しゃかい つく けんきゅう 安心して暮らせる社会を作るために研究する	社会福祉施設など
	げいじゅつがく 芸術学	かんせい ぎじゅつ みが ひょうげんりょく たか 感性と技術を磨き、表現力を高める	デザイン業、映像関係など
	たいいくがく 体育学	うんどう か がくてき けんきゅう 『運動』を科学的に研究する	インストラクター、スポーツ メーカー

* 教員や公務員は、さまざまな学部の卒業生がなっています。

だいがく たんい と むしけん と しかく めんきよ 大学で単位を取れば、無試験で取れる資格・免許
きょういん ししよ がくげいいん ほいくし えいようし 教員、司書、学芸員、保育士、栄養士など

だいがく そつぎょう こっか しけん じゅけん しかく え しかく 大学を卒業すると、国家試験の受験資格が得られる資格
いし しか いし じゅういし かんごし やくざいし しゃかいふくしし 医師、歯科医師、獣医師、看護師、薬剤師、社会福祉士など

THÔNG TIN BỔ SUNG

CÁC KHOA CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC

	Tên khoa	Nội dung học	Công việc sau khi tốt nghiệp (ví dụ)
Khối Nhân văn	Văn học	Nghiên cứu con người và Xã hội loài người thông qua văn học	Truyền thông, Doanh nghiệp bình thường,...
	Ngoại ngữ	Học ngôn ngữ và văn hóa nước ngoài	Công ty du lịch, Công ty thương mại,...
	Luật	Nghiên cứu luật và luật pháp	Luật sư, Chuyên viên Luật hành chính,...
	Kinh tế học	Nghiên cứu mối quan hệ giữa tiền bạc, con người và xã hội	Công ty thương mại, Ngân hàng, Doanh nghiệp bình thường,...
	Xã hội học	Nghiên cứu xã hội con người đang sinh sống	Truyền thông, Doanh nghiệp bình thường,...
Khối Tự nhiên	Tự nhiên	Nghiên cứu thế giới tự nhiên	Nhà sản xuất,...
	Kỹ thuật	Sản xuất chế tạo, phát triển kỹ thuật phục vụ con người	Ngành sản xuất, Ngành xây dựng,...
	Y	Trang bị kiến thức và kỹ năng để trở thành bác sĩ	Bác sĩ
	Nông nghiệp	Nghiên cứu tổng quát về nông nghiệp, thực phẩm và môi trường	Doanh nghiệp thực phẩm,...
	Dược	Tiếp thu kiến thức và khả năng của thuốc y tế	Dược sĩ,...
	Y tá	Nghiên cứu phòng chống bệnh tật và sức khỏe	Y tá,...
Khác	Giáo dục	Tìm hiểu về giáo dục	Giáo viên,...
	Phúc lợi xã hội	Nghiên cứu để tạo ra một xã hội mọi người có thể yên tâm sinh sống	Cơ sở phúc lợi xã hội,...
	Nghệ thuật	Trau dồi cảm nhận và kỹ năng, đồng thời phát triển khả năng thể hiện	Ngành thiết kế, Ngành nghề liên quan hình ảnh,...
	Giáo dục thể chất	Nghiên cứu "Vận động" một cách khoa học	Huấn luyện viên, Nhà sản xuất thể thao,...

* Sinh viên tốt nghiệp đại học từ nhiều khoa có thể trở thành Giáo viên hoặc Công chức.

Bằng cấp và giấy phép có thể lấy được bằng cách đạt đủ tín chỉ ở trường đại học mà không cần thi

Giáo viên, Quản lý thư viện, Nhân viên bảo tàng, Giáo viên nhà trẻ, Chuyên gia dinh dưỡng,...

Bằng cấp có thể lấy được bằng cách tham gia kỳ thi quốc gia sau khi tốt nghiệp đại học

Bác sĩ, Nha sĩ, Bác sĩ thú y, Y tá, Dược sĩ, Nhân viên phúc lợi xã hội,...

せんもんがっこう ぶんや
専門学校分野

ぶんや 分野	がくしゅうないよう 学習内容	そつぎょうご しごと れい 卒業後の仕事(例)
こうぎょう 工業	じょうほうしより じどうしゃせいび どぼく でんきなど 情報処理、自動車整備、土木、電気など	じどうしゃせいび し けんちくし でんきこうじし 自動車整備士、建築士、電気工事士 など
のうぎょう 農業	のうぎょう ぶんげい ちくさん 農業、園芸、畜産、バイオテクノロジーなど	のうか ぶんげいか ぎじゆつしよく 農家、園芸家、バイオ技術職など
いりよう 医療	かんご さぎょうりょうほう し かえいせい りんしょうけんさ 看護、作業療法、歯科衛生、臨床検査など	かんごし さぎょうりょうほうし し かえいせいし 看護師、作業療法士、歯科衛生士など
えいせい 衛生	びよう りよう ちょうり せい か えいよう 美容、理容、調理、製菓、栄養など	びようし りようし ちょうりし えいようし 美容師、理容師、調理師、栄養士など
きょういく 教育・ しゃかいふくし 社会福祉	かいごふくし ほいく しゃかいふくし ようじきょういく 介護福祉、保育、社会福祉、幼児教育など	かいごふくしし ようちぶんきょうゆ ほいくし 介護福祉士、幼稚園教諭、保育士など
しょうぎょうじつむ 商業実務	けいり ほき けいえい かんこう いりようじむ 経理・簿記、経営、観光、医療事務など	ぜいりし ひしょ ぎょう かんこうぎょう 税理士、秘書、ホテル業、観光業など
ふくしよく かせい 服飾・家政	わようさい ふくしよく 和洋裁、服飾、ファッションビジネスなど	わさいし ようさいし 和裁士、洋裁師、ファッションデザイ ナーなど
ぶんか きょうよう 文化・教養	ゲーム、アニメ、デザイン、音楽、外国語など	クリエイター、デザイナー、えんそうか 演奏家、 つうやくし 通訳士など



THÔNG TIN BỔ SUNG

CHUYÊN NGÀNH TRONG TRƯỜNG CHUYÊN MÔN

Chuyên ngành	Nội dung học	Công việc sau khi tốt nghiệp (ví dụ)
Kỹ thuật	Xử lý thông tin, bảo trì ô tô, công trình công cộng, điện,...	Thợ cơ khí ô tô, Kiến trúc sư, Nhân viên điện công trình, v.v.
Nông nghiệp	Nông nghiệp, nghệ thuật làm vườn, chăn nuôi, công nghệ sinh học,...	Nông dân, Nghệ nhân làm vườn, Ngành Công nghệ sinh học,...
Y tế	Y tá, phương pháp trị liệu, vệ sinh răng miệng, khám lâm sàng,...	Y tá, Chuyên viên trị liệu, Chuyên viên nha khoa,...
Sức khỏe	Y tá, phương pháp trị liệu, vệ sinh răng miệng, khám lâm sàng,...	Chuyên viên chăm sóc sắc đẹp, Chuyên viên làm tóc, Đầu bếp, Chuyên gia dinh dưỡng,...
Giáo dục – Phúc lợi xã hội	Phúc lợi chăm sóc, giữ trẻ, phúc lợi xã hội, giáo dục mầm non,...	Nhân viên chăm sóc điều dưỡng, Giáo viên mẫu giáo, Giáo viên nhà trẻ,...
Nghiệp vụ thương mại	Kế toán - phụ trách sổ sách kế toán, điều hành, tham quan du lịch, nghiệp vụ văn phòng y tế,...	Kế toán thuế, Thư ký, Ngành Khách sạn, Ngành du lịch,...
Thời trang – Gia chánh	Trang phục Nhật Bản, may mặc, kinh doanh thời trang,...	Thợ may trang phục Nhật Bản, Thợ may Âu phục, Nhà thiết kế thời trang,...
Văn hóa – Giáo dục	Game, hoạt hình, thiết kế, âm nhạc, ngoại ngữ,...	Nhà sáng tạo, Nhà thiết kế, Nghệ sĩ biểu diễn, Thông dịch viên,...



がいこく だいがくせいむ しょうがくきん 外国につながる大学生向けの奨学金

がいこく だいがくせいむ しょうがくきん しゃかいふくしほうじん おこな
外国につながる大学生に向けた奨学金として、社会福祉法人さぼうと21の行っている
せいかつしえん つばいいちろう じんこがくせいしえん
「生活支援プログラム」と「坪井一郎・仁子学生支援プログラム」があります。

* 「生活支援プログラム」

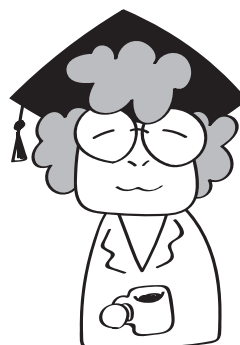
- しえんたいしやう にほんこくない せんもんがっこう だいがく かよ がいこく がくせい めい
・ 支援対象：日本国内の専門学校、大学に通う外国につながる学生20名
しよるいしんさ めんだん けてい
書類審査・面談により決定
- じゆきゆうきかん わんかん
・ 受給期間：1年間
- しきゆうがく わんがく まんえん げつがく まんえん
・ 支給額：年額24万円（月額：2万円）
- へんさい ひつよう きゆうふがた
・ 返済の必要：なし（給付型）
- ぼしゆうきかん まいとし がつ ぼしゆうつうち で おうぼ がつまつ
・ 募集期間：毎年11月ごろに募集通知が出て、応募しめきりは1月末ごろ

* 「坪井一郎・仁子学生支援プログラム」

- しえんたいしやう しきゆうねんど だいがく ねんせいいじやう だいがくいんせい ふく めい
・ 支援対象：支給年度に大学3年生以上（大学院生を含む）の10名
しよるいしんさ めんだん けてい
書類審査・面談により決定
- じゆきゆうきかん わんかん
・ 受給期間：1年間
- しきゆうがく わん まんえん
・ 支給額：1年で40～80万円
- へんさい ひつよう きゆうふがた
・ 返済の必要：なし（給付型）
- ぼしゆうきかん まいとし がつ ぼしゆうつうち で おうぼ がつじやうじゆん
・ 募集期間：毎年9月ごろに募集通知が出て、応募しめきりは11月上旬

くわ かくにん
詳しくはさぼうと21のホームページを確認してください。

いじやう しょうがくきん しょうがくきん じぶん う
以上の奨学金のほかにもいろいろな奨学金があります。自分が受けられるかどうか、イ
ンターネットなどで調べてみてください。



THÔNG TIN BỔ SUNG

HỌC BỔNG DÀNH CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC CÓ YẾU TỐ NƯỚC NGOÀI

“Chương trình hỗ trợ cuộc sống” và “Chương trình hỗ trợ sinh viên Tsuboi Ichiro & Jinko” của Quỹ phúc lợi xã hội Support 21 là chương trình học bổng dành cho sinh viên đại học có yếu tố nước ngoài.

* “CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ CUỘC SỐNG”

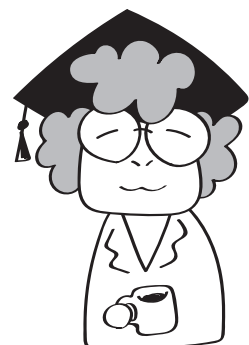
- Đối tượng: 20 sinh viên có yếu tố nước ngoài theo học tại Trường chuyên môn và Đại học tại Nhật
Sinh viên nhận học bổng được chọn thông qua vòng thẩm định hồ sơ và phỏng vấn
- Thời hạn thanh toán: 1 năm
- Số tiền học bổng: 240,000 yên mỗi năm (20,000 yên mỗi tháng)
- Yêu cầu hoàn trả: Không (loại trợ cấp)
- Thời gian nộp đơn: Thông báo nhận Đơn đăng ký vào khoảng tháng 11 hàng năm, hạn nộp đơn là khoảng cuối tháng 1

* CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ SINH VIÊN TSUBOI ICHIRO & JINKO

- Đối tượng: 10 sinh viên Đại học năm 3 trở lên (bao gồm cả sinh viên hệ Cao học)
Sinh viên nhận học bổng được thông qua vòng thẩm định hồ sơ và phỏng vấn
- Thời hạn thanh toán: 1 năm
- Số tiền học bổng: 400,000 – 800,000 yên trong 1 năm
- Sự cần thiết phải hoàn trả: Không (loại trợ cấp)
- Thời gian nộp đơn: Thông báo nhận Đơn đăng ký vào khoảng tháng 9 hàng năm, hạn nộp đơn là đầu tháng 1

Để biết thêm thông tin, vui lòng kiểm tra trang chủ của Support 21.

Ngoài các học bổng nêu trên, còn có rất nhiều học bổng khác.
Hãy kiểm tra trên Internet hoặc các nguồn thông tin khác xem bạn có đủ điều kiện được nhận học bổng hay không.



きょういく 教育ローン

① 国(日本政策金融公庫)の教育ローン

- ・特徴：民間より金利が低い(固定金利で1.68%)
- ・金額：350万円まで借り入れ可能
- ・返済：在学中は利息のみの返済も可能。一番長くて15年かけて返済することもできる
- ・優遇制度：世帯年収が200万円以下の場合
- ・審査期間：約10日間(民間より時間がかかる)。申し込みの集中する1～3月は注意が必要

詳しくは日本政策金融公庫のホームページを確認してください。

② 金融機関の教育ローン

金融機関の教育ローンは、国の教育ローンに対して審査が速く、また金額も国よりも多く借りられる場合が多いです。ただし金利は国の教育ローンに比べて高く、また返済も借りた翌月から返済が始まることが多いです。

KHOẢN VAY HỖ TRỢ GIÁO DỤC

① Khoản vay hỗ trợ giáo dục của Chính phủ (Tập đoàn Tài chính nhật bản)

- ・ Đặc điểm: Lãi suất thấp hơn vay tư nhân (lãi suất cố định 1,68%)
- ・ Số tiền vay tối đa: có thể vay số tiền lên tới 3,500,000 yên
- ・ Hoàn trả: cho phép chỉ trả lãi khi còn đang học. Thời gian hoàn trả dài nhất là 15 năm
- ・ Chế độ ưu đãi: áp dụng trong trường hợp thu nhập hộ gia đình trong 1 năm dưới 2,000,000 yên
- ・ Thời gian thẩm định: khoảng 10 ngày (lâu hơn so với vay tư nhân). Thời điểm có lượng đăng ký vay nhiều nhất tập trung từ tháng 1 đến tháng 3, hãy lưu ý điều này.

Để biết thêm thông tin, vui lòng xem trang chủ của Tập đoàn Tài chính Nhật Bản.

② Khoản vay hỗ trợ giáo dục của Ngân hàng

Khoản vay hỗ trợ giáo dục của các Tổ chức tài chính sẽ được thẩm định nhanh hơn và có thể được cho vay nhiều tiền hơn so với Khoản vay hỗ trợ giáo dục của Chính phủ. Tuy nhiên, việc trả nợ thường bắt đầu vào ngày hôm sau tính từ ngày được vay tiền.

THÔNG TIN BỔ SUNG

だいがくしんがく そうだん きかん 大学進学について相談できる機関

◆ NPO 法人 ABC ジャパン <https://www.abcjapan.org>

よこはまし つるみ くつるみ ちゅうおう
横浜市鶴見区鶴見中央 4-7-15 ラカンパーナ キソヤ 3F

Tel/Fax : 045-550-3455

◆ あーすぷらざ外国人教育相談 http://www.earthplaza.jp/forum/foreign_education/

よこはまし さかえ くす が や ちきゅうし じん かい じょうほう
横浜市栄区小菅ヶ谷 1-2-1 地球市民かながわプラザ(あーすぷらざ) 2階 情報フォーラム

Tel : 045-896-2970 / Fax : 045-896-2894 (曜日によって対応できる言語が異なります)

◆ NPO 法人 多文化共生教育ネットワークかながわ (ME-net) <https://me-net.or.jp/>

よこはまし さかえ くす が や ちきゅうし じん じ む し つ ない
横浜市栄区小菅ヶ谷 1-2-1 地球市民かながわプラザ NPO などのための事務室内

Tel/Fax : 045-896-0015

たぶんか
多文化ユースプロジェクト <https://www.multyouth.com/ja/multiculturalyouth>

◆ 多言語支援センターかながわ <http://kifjp.org/kmlc/>

こくさいこうりゅうざいだん けん いたく う うんえい
(かながわ国際交流財団と MIC かながわが、県から委託を受けて運営しています)

よこはまし かながわ くつる や ちゅう けん じん かい
横浜市神奈川区鶴屋町 2-24-2 かながわ県民センター 13階

Tel : 045-316-2770 (曜日によって対応できる言語が異なります)

CÁC TỔ CHỨC BẠN CÓ THỂ TƯ VẤN VỀ VIỆC HỌC LÊN ĐẠI HỌC

◆ NPO ABC Japan <https://www.abcjapan.org>

Yokohama-shi Tsurumi-ku Tsurumi Chuou 4-7-15 La Campana KISOYA 3F

Tel: 045-550-3455

◆ Tư vấn giáo dục dành cho người nước ngoài của Earth Plaza

http://www.earthplaza.jp/forum/foreign_education/

Yokohama-shi Sakae-ku Kosugaya 1-2-1 Chikyuu Shimin Kanagawa Plaza (Earth Plaza) 2F Information Forum

TEL:045-896-2970/FAX:045-896-2894 (Ngôn ngữ hỗ trợ thay đổi tùy theo ngày)

◆ Mạng lưới giáo dục Cộng sinh đa văn hóa Tỉnh Kanagawa (ME-net) <https://me-net.or.jp/>

Yokohama-shi, Sakae-ku, Kosugaya 1-2-1, Chikyuu Shimin Kanagawa Plaza (Earth Plaza)

Tel/Fax: 045-896-0015

Multicultural Youth Project <https://www.multyouth.com/ja/multiculturalyouth>

◆ Trung tâm hỗ trợ đa ngôn ngữ Kanagawa <http://kifjp.org/kmlc/>

(được điều hành bởi Quỹ Giao lưu quốc tế Kanagawa và MIC Kanagawa theo ủy thác của Tỉnh)

Yokohama-shi Kanagawa-ku Tsuruya-cho 2-24-2 Kanagawa Kenmin Center 13 andar

Tel:045-316-2770 (Ngôn ngữ hỗ trợ thay đổi tùy theo ngày)

大学進学ガイドブック〈ベトナム語版〉

Sách hướng dẫn học lên Đại học

発行日：2024年1月31日

発行者：NPO 法人 ABC ジャパン

〒230-0051 横浜市鶴見区鶴見中央 4-7-15 ラカンパーナ キンヤ 3F

TEL：045-550-3455

執筆：安富祖 樹里 藤浪 海

制作：ABC ジャパン「大学進学ガイドブック」編集委員会

翻訳：ファム ミー リン

デザイン・イラスト：スタジオクッカバラ

表紙：Tamy Gushiken

